

SỞ GIAO DỊCH CHỨNG KHOÁN HÀ NỘI
VĂN BẢN ĐẾN
Ngày: 17-08-2018
Số: 19876

LLM

Phụ lục số 04

BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN

(Ban hành kèm theo Thông tư số 155/2015/TT-BTC ngày 06 tháng 10 năm 2015 của Bộ Tài chính hướng dẫn công bố thông tin trên thị trường chứng khoán)

20-08-2018

BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN

Tên Công ty đại chúng: **CÔNG TY CỔ PHẦN VIỄN THÔNG ĐIỆN TỬ VINACAP**

Năm báo cáo: 6 tháng đầu năm 2018

I. Thông tin chung

1. Thông tin khái quát

Tên gọi : Công ty Cổ phần Viễn thông Điện tử VINACAP

Tên tiếng Anh : VINACAP TELECOM ELECTRONICS JOINT STOCK COMPANY

Tên viết tắt : VINACAP.,JSC

Người đại diện theo pháp luật: Bà Vũ Hồng Hạnh – Ủy viên HĐQT/Tổng Giám đốc

Trụ sở: Dốc Vân, xã Yên Viên, huyện Gia Lâm, thành phố Hà Nội

Địa chỉ VPGD : Tầng 3 Tòa nhà N03-T5 Khu Ngoại Giao Đoàn, Phường Xuân Tảo, Quận Bắc Từ Liêm, Thành Phố Hà Nội

Điện thoại : (84.24) 35377989

Fax: (84.24) 35377988

Website : www.vinacap.vn

Email: vinacap@vinacap.vn

Mã số thuế : 0102306413

Vốn điều lệ theo đăng ký kinh doanh : 156.000.000.000 đồng

Vốn điều lệ thực góp : 156.000.000.000 đồng



Logo:

Lĩnh vực hoạt động kinh doanh: Theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh công ty cổ phần số 0103018208 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp đăng ký lần đầu ngày 28 tháng 06 năm 2007; và đăng ký thay đổi lần thứ 05 theo số 0102306413 ngày 19 tháng 07 năm 2013 như sau:

TT	Tên ngành nghề	Mã ngành
1	Sản xuất thiết bị dây dẫn điện các loại - Sản xuất, kinh doanh các loại dây (kể cả dây điện từ) và cáp; - Hệ thống cáp viễn thông, cáp thông tin, cáp điện, cáp công nghiệp, phụ tùng và phụ kiện cáp;	2733
2	Sản xuất mô tơ, máy phát, biến thế điện, thiết bị phân phối và điều khiển điện:	2710

TT	Tên ngành nghề	Mã ngành
	- Sản xuất, kinh doanh các loại vật tư, vật liệu, phụ kiện và các thiết bị đầu nối mạng viễn thông, mạng điện lực hay mạng chuyên ngành khác; - Sản xuất các sản phẩm điện dân dụng;	
3	Đại lý, môi giới, đấu giá: - Đại lý mua bán, đại lý phân phối các nguyên vật liệu, sản phẩm và dịch vụ sản xuất kinh doanh; - Môi giới thương mại;	4610
4	Sản xuất linh kiện điện tử: - Sản xuất linh kiện điện tử - Sản xuất, lắp ráp các thiết bị điện, điện tử và tin học;	2610
5	Sản xuất thiết bị truyền thông - Sản xuất, lắp ráp các thiết bị bu chính, viễn thông	2630
6	Lắp đặt hệ thống điện: - Lắp đặt, bảo dưỡng, hỗ trợ vận hành các công trình viễn thông, điện, điện tử và tin học. - Xây lắp các công trình viễn thông, điện, điện tử và tin học;	4321
7	Cho thuê máy móc, thiết bị và đồ dùng hữu hình khác: - Cho thuê các máy móc, thiết bị ngành bưu chính, viễn thông, điện, điện tử và tin học;	7730
8	Bán buôn thiết bị và linh kiện điện tử, viễn thông: - Bán buôn thiết bị và linh kiện điện tử, viễn thông; - Kinh doanh các loại thẻ dùng trong lĩnh vực bưu chính, viễn thông, công nghệ thông tin;	4652
9	Xử lý dữ liệu, cho thuê và các hoạt động liên quan	6311
10	Công thông tin (trừ hoạt động báo chí);	6312
11	Sửa chữa thiết bị liên lạc	9512
12	In ấn	1811
13	Sản xuất pin và ắc quy	2720
14	Sản xuất thiết bị điện chiếu sáng	2740
15	Bán buôn máy vi tính, thiết bị ngoại vi và phần mềm	4651
16	Bán lẻ máy vi tính, thiết bị ngoại vi, phần mềm và thiết bị viễn thông trong các cửa hàng chuyên doanh	4741
17	Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê: - Kinh doanh bất động sản;	6810
18	Quảng cáo: - Quảng cáo thương mại;	7310
19	Dịch vụ thông tin khác chưa được phân vào đâu - Dịch vụ thông tin qua điện thoại;	6329

TT	Tên ngành nghề	Mã ngành
20	Bán lẻ đồ điện gia dụng, giường, tủ, bàn, ghế và đồ nội thất tương tự, đèn và bộ đèn điện, đồ dùng gia đình khác chưa được phân vào đâu trong các cửa hàng chuyên doanh	4759
21	Hoạt động viễn thông khác - Dịch vụ giá trị gia tăng trên mạng viễn thông; - Đại lý dịch vụ viễn thông;	6190
22	Hoạt động của đại lý và môi giới bảo hiểm: - Đại lý bảo hiểm	6622
23	Hoạt động chuyên môn, khoa học và công nghệ khác chưa được phân vào đâu: - Chuyển giao kỹ thuật công nghệ ngành viễn thông, điện, điện tử và tin học;	7490
24	Hoạt động dịch vụ hỗ trợ kinh doanh khác chưa được phân vào đâu: - Xuất nhập khẩu nguyên vật liệu, sản phẩm cấp, vật liệu điện công nghiệp, dân dụng phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh và các mặt hàng công ty kinh doanh;	8299

Bổ sung thêm một số ngành nghề kinh doanh gồm:

TT	Tên ngành nghề	Mã ngành
1	Hoạt động viễn thông khác - Kinh doanh hàng hóa viễn thông chuyên dùng, thiết bị vô tuyến điện: Thiết bị có gắn số thuê bao viễn thông, thẻ thanh toán dịch vụ viễn thông (<i>Điều 10, Nghị định 25/2011/NĐ-CP của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Viễn thông</i>)	6190
2	Vận tải hàng hóa bằng đường bộ - Vận tải hàng hóa bằng ô tô chuyên dụng - Vận tải hàng hóa bằng phương tiện đường bộ khác - Vận tải hàng hóa bằng ô tô loại khác (trừ ô tô chuyên dụng)	4933
3	Kho bãi và lưu giữ hàng hóa	5210
4	Hoạt động hỗ trợ dịch vụ tài chính chưa được phân vào đâu - Các dịch vụ ủy thác, giám sát trên cơ sở phí và hợp đồng	6619
5	Hoạt động dịch vụ hỗ trợ khác liên quan đến vận tải - Gửi hàng; - Giao nhận hàng hóa; - Thu, phát các chứng từ vận tải và vận đơn; - Hoạt động của đại lý làm thủ tục hải quan;	5229
6	Sản xuất mô tơ, máy phát, biến thế điện, thiết bị phân phối và điều khiển điện: - Sản xuất, kinh doanh các sản phẩm điện gia dụng	2710
7	Sản xuất máy bơm, máy nén, vòi và van khác	2813
8	Bán buôn đồ dùng khác cho gia đình: - Bán buôn đồ điện gia dụng, đèn và bộ đèn điện	4649

TT	Tên ngành nghề	Mã ngành
9	Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác: - Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khai khoáng, máy xây dựng; - Bán buôn máy móc, thiết bị điện, vật liệu điện (máy phát điện, động cơ điện, dây điện và thiết bị khác dùng trong mạch điện) - Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy văn phòng (trừ máy vi tính và thiết bị ngoại vi); - Bán buôn máy móc, thiết bị công nghiệp; - Bán buôn máy móc, thiết bị khác chưa được phân vào đâu để sử dụng cho sản xuất công nghiệp, thương mại, hàng hải và dịch vụ khác; - Bán buôn máy công cụ điều khiển bằng máy vi tính; - Bán buôn máy móc được điều khiển bằng máy vi tính cho công nghiệp dệt may; - Bán buôn thiết bị và dụng cụ đo lường;	4659
10	Sản xuất dây, cáp điện và điện tử khác	2732
11	Sản xuất thiết bị sử dụng năng lượng chiết lưu	2812
12	Sản xuất thực phẩm khác chưa được phân vào đâu - Sản xuất các loại trà dược thảo; - Sản xuất thực phẩm chế biến sẵn; - Sản xuất thực phẩm đặc biệt như đồ ăn dinh dưỡng, sữa và các thực phẩm dinh dưỡng, thức ăn cho trẻ nhỏ; - Sản xuất các thực phẩm chế biến sẵn dễ hỏng như bánh Sandwich, bánh Pizza; - Sản xuất các sản phẩm cô đặc, nhân tạo; - Sản xuất nước cốt và nước ép từ thịt, cá, tôm, cua, động vật thân mềm; - Sản xuất sữa tách bơ và bơ; - Sản xuất các sản phẩm trứng, albumin trứng.	1079
13	Cho thuê xe có động cơ: - Cho thuê xe Ô tô từ 4 – 16 chỗ ngồi	7710

Công ty được UBCKNN chấp thuận đăng ký Công ty đại chúng từ ngày 05/09/2008.

2. Quá trình hình thành và phát triển

Tháng 11/1992: Tập đoàn Bưu chính Viễn thông Việt Nam liên doanh với hãng Daesung của Hàn Quốc để thành lập Công ty liên doanh cấp Vinadaesung. Công ty liên doanh đầu tiên của ngành BCVT Việt Nam sản xuất cáp thông tin sợi đồng phục vụ quá trình số hóa mạng lưới.

Tháng 3/2001: Tập đoàn NEXANS - Pháp mua và đổi tên hãng Daesung thành NEXANS Korea. Cùng với NEXANS Korea, Công ty Liên doanh cấp Vinadaesung trở thành thành viên của tập đoàn NEXANS, nhà sản xuất cáp và hệ thống mạng hàng đầu thế giới. Nhận chứng chỉ chất lượng ISO 9001: 2000 do tổ chức quốc tế TÜV CERT - TÜV Nord (CH Liên bang Đức cấp).

Tháng 6/2007: Công ty Cổ phần Cáp và Vật liệu Mạng (VINACAP) được thành lập để chuẩn bị tiếp quản hoạt động của Công ty Liên doanh cáp Vinadaesung giải thể do hết thời hạn 15 năm liên doanh, các cổ đông sáng lập bao gồm: Tập đoàn Bưu chính Viễn thông Việt Nam (VNPT), Công ty Điện lực miền Bắc (EVN-NPC) nay là Tổng Công ty Điện lực Miền Bắc và Công ty Cổ phần Thương mại Bưu chính Viễn thông (COKYVINA).

Ngày 9/11/2007 Công ty Cổ phần Cáp và Vật liệu Mạng (VINACAP) chính thức tiếp quản tài sản và mọi hoạt động của Công ty Liên doanh Cáp Vinadaesung để đi vào hoạt động.

Năm 2008: Dây chuyền sản xuất cáp quang được đưa vào hoạt động, công ty lần đầu tiên có sản phẩm mới hoàn toàn: Cáp quang.

Năm 2009: Dây chuyền sản xuất cáp điện dân dụng hiện đại được đưa vào hoạt động, công ty chính thức xâm nhập thị trường Dây cáp điện. Đồng thời là nhà phân phối sản phẩm Simcard cho hãng Gemato. VINACAP – VINAPHONE – HP ký thoả thuận để phân phối sản phẩm Laptop 3G có tích hợp dịch vụ viễn thông, Vinacap chính thức tham gia phân phối thiết bị công nghệ thông tin.

Năm 2010: VINACAP tổ chức nghiên cứu và phát triển điện thoại di động 2 sim mang nhãn hiệu AVIO. VINACAP – VINAPHONE ký thoả thuận để sản xuất và cung cấp máy điện thoại di động có tích hợp dịch vụ Vinaphone tạo thành bộ hoà mạng Alo_Avio độc đáo. Điện thoại AVIO tạo thành một hiện tượng đặc biệt về nhu cầu trên thị trường nhờ Rẻ - Đẹp - Tiện ích.

Tháng 11/2010: Công ty đổi tên từ Công ty Cổ phần Cáp và Vật liệu mạng thành Công ty Cổ phần Viễn thông Điện tử VINACAP. VINACAP định hướng phát triển sản xuất kinh doanh trên 3 hướng:

- Sản xuất:
 - o Dây cáp viễn thông sợi đồng, sợi quang (cáp quang, FTTH, FTTX....);
 - o Dây điện, cáp điện và vật tư phụ kiện điện dân dụng, điện nước;
- Kinh doanh thương mại các thiết bị CNTT cho các nhà mạng viễn thông (VNPT, MobiFone, Viettel, FPT, CMC, Công ty cáp truyền hình... các công trình dự án cho các công trình xây dựng;
- Kinh doanh dịch vụ giá trị gia tăng và dịch vụ viễn thông.

Các thành tích

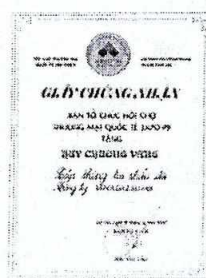
Là một trong những nhà sản xuất các loại cáp có uy tín nhất từ năm 1992, từ công ty Liên doanh Vinadaesung nay trở thành Công ty Cổ phần VTĐT VINACAP, công ty đã tiến hành đa dạng hoá nhanh chóng, ngày càng khẳng định chỗ đứng của mình trên thị trường trong nước. Sản phẩm của Công ty luôn được đánh giá cao, đạt nhiều thành tích trong các kỳ tham gia hội chợ triển lãm, các cuộc bình chọn sản phẩm chất lượng, thương hiệu uy tín.

Công ty vinh dự được đón các đồng chí Lãnh đạo Đảng và Nhà nước tới thăm:

- Đồng chí Tổng Bí Thư Đỗ Mười.
- Đồng Chí Chủ tịch nước Trần Đức Lương.
- Đồng Chí Chủ tướng Chính Phủ Nguyễn Tấn Dũng.

Các danh hiệu Công ty đạt được qua các năm như sau:

Năm 1998: Bằng khen của Thủ tướng Chính phủ và các giải thưởng về chất lượng



Năm 2001: Bằng khen của Bộ thương mại

Năm 2003: Huân chương lao động hạng ba



Năm 2004: Bằng khen của Phòng Thương mại và Công nghiệp Việt Nam, bằng khen của Ủy ban Nhân dân TP Hà nội, Bằng khen của Ban chấp hành liên đoàn lao động Việt nam.

Năm 2005: Bằng khen của Tập đoàn Bưu chính Viễn thông Việt nam, Bằng khen của Ban chấp hành Công đoàn Bưu điện Việt nam, Bằng khen của Ủy ban Nhân dân TP Hà nội.



Năm 2006: Bằng khen của Thủ tướng Chính phủ tặng .

Năm 2007: Cờ thi đua của Bộ Thông tin Truyền thông

Năm 2008: Cờ thi đua của Tập đoàn Bưu chính Viễn thông Việt Nam

Năm 2009: Cờ thi đua của Bộ Thông tin & Truyền thông, Huy chương vàng Hội trợ triển lãm, và nhận giải thưởng Top 100 thương hiệu mạnh Việt Nam 2009 do thời báo Kinh Tế bầu chọn

Năm 2010: Cờ thi đua của Chính phủ Nước Cộng Hòa Xã Hội Chủ Nghĩa Việt Nam.

Năm 2011: Chủ tịch nước cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam ký quyết định số 153, ngày 08/09/2011, tặng huân chương lao động hạng nhì.

Huân chương lao động hạng 2 giai đoạn 2006-2010;

Hoạt động marketing

Công ty có kế hoạch khuếch trương hình ảnh Công ty một cách đồng bộ và mạnh mẽ thông qua truyền hình, quảng cáo trên các tạp chí có uy tín, tài trợ các chương trình thể thao văn hoá ... với phương châm: Hiệu quả - thiết thực, tạo được ấn tượng tốt đối với khách hàng.

Hiện nay, Công ty đã tập trung xây dựng thương hiệu **Dây cáp và Thiết bị điện VINACAP**, đồng thời thiết lập được hệ thống kênh phân phối Dây cáp và thiết bị điện rộng khắp bao gồm các tỉnh. Hệ thống phân phối của Công ty có nguồn nhân lực gồm các giám sát bán hàng, đại diện thương mại ở khắp các tỉnh có năng lực phát triển thị trường tốt.

Hệ thống phân phối của Công ty được xây dựng theo mô hình như sau:



Nguồn: Vinacap

Đối với cáp viễn thông (cáp quang và cáp thông tin lõi đồng), Công ty thực hiện phát triển mạnh kênh bán hàng cho các dự án xây dựng lớn, có một bộ phận kinh doanh dự án chuyên phục vụ cho việc đấu thầu, tìm kiếm và phát triển các đối tác lớn như các Tổng công ty xây dựng, chủ đầu tư các khu đô thị, công nghiệp, cơ sở hạ tầng, các công ty thiết kế....

Công ty đã thành lập bộ phận thương hiệu chuyên nghiệp, nằm trong phòng Vật tư-Thương mại-Thương hiệu với các nhân viên có trình độ đại học chuyên sâu.

Công ty đã có bộ tiêu chuẩn nhận diện chuyên nghiệp do công ty tư vấn thương hiệu Sacctchi and Sacctchi thực hiện, thời gian vừa qua công ty đã có nhận diện tốt trên thị trường thông qua hệ thống biển bảng của đại lý, một số chương trình truyền hình, báo chí... Các chương trình này đã giúp quảng bá hình ảnh của công ty trên thị trường.

Nhãn hiệu thương mại, đăng ký phát minh sáng chế và bản quyền

Coi trọng vai trò của thương hiệu trong cạnh tranh thị trường và xây dựng giá trị doanh nghiệp lâu dài, ngay từ khi thành lập công ty đã thuê tư vấn nước ngoài Hãng Saatchi and Saatchi giúp xây dựng chiến lược thương hiệu, hệ thống hoá toàn bộ nhận diện hình ảnh và phương án triển khai xây dựng thương hiệu lâu dài.

Với nỗ lực không ngừng Vinacap ngày càng khẳng định thương hiệu của mình, do vậy để bảo vệ thương hiệu và đảm bảo hoạt động trong tương lai, Công ty đã đăng ký nhãn hiệu thương mại bản quyền tại Cục Sở Hữu Trí Tuệ theo biên bản đăng ký năm 2006 với mẫu thương hiệu đăng ký là.



Logo của Công ty

Ý nghĩa:

Logo công ty hình con tê giác màu nâu trên nền vàng: con tê giác là con vật to lớn, mạnh khỏe nhưng lại rất nhanh nhẹn. Màu nâu thể hiện màu đất chính là cái gốc của sự sinh sôi phát triển, màu vàng là màu của thịnh vượng.

Khẩu hiệu: “Dây chắc mạch bền” cho dây và cáp

Dựa trên câu tục ngữ “Ăn chắc mặc bền”. Ý nghĩa: Vừa nói lên đặc thù sản phẩm dây và cáp của công ty, vừa nêu bật được chất lượng sản phẩm của Công ty. Trong tương lai, đối với mỗi dòng sản phẩm công ty sẽ có sẽ có khẩu hiệu riêng phù hợp với sản phẩm.

Khẩu hiệu: “Alo Việt nam ơi” cho điện thoại AVIO

Nhằm đưa người tiêu dùng cảm nhận một giá trị thuần Việt trong hàng hóa, yêu quê hương, ủng hộ sản phẩm Việt và xây dựng niềm tự hào Việt.

Đăng ký nhãn hiệu thương mại

Hiện tại các dòng sản phẩm 3G là điện thoại Avio đã được đăng ký nhãn hiệu thương mại tại Cục Sở hữu trí tuệ số hiệu 4201004501 ngày 10 tháng 3 năm 2010.

Định hướng phát triển của Công ty với định hướng của ngành, chính sách của Nhà nước, và xu thế chung trên thế giới

Để đưa Công ty phát triển phù hợp với xu thế phát triển của ngành và của nền kinh tế, trong các năm tiếp theo, Ban lãnh đạo Công ty có những kế hoạch phát triển sản xuất kinh doanh như sau:

Xây dựng văn hóa công ty trên các trụ cột “Chất lượng – Sáng tạo – Táo bạo”, tuyên truyền quán triệt tới từng lao động để từng bước xây dựng thương hiệu cho công ty, đưa Công ty trở thành mái nhà lớn tập hợp người con người tâm huyết và tài năng.

Chiến lược của Công ty là “Phát triển bền vững” với các lĩnh vực chính:

- Sản xuất cáp các loại và thiết bị điện dân dụng: Hai nhóm sản phẩm chính là nhóm ngành Cáp viễn thông – Dây cáp điện với các sản phẩm Cáp quang, Dây cáp điện và thiết bị điện dân dụng,
- Nhóm ngành sản phẩm thiết bị đầu cuối viễn thông như máy tính xách tay, máy điện thoại, modem. Công ty hướng tới trở thành nhà nghiên cứu, sản xuất và phân phối có uy tín trên thị trường.
- Phát triển dịch vụ giá trị gia tăng và dịch vụ kỹ thuật cho mạng viễn thông, đây là hoạt động nhiều triển vọng, phù hợp với chiến lược tăng tốc công nghiệp nội dung, giải trí tại Việt nam.
- Thực hiện kinh doanh thương mại với các mặt hàng chủ đạo gồm tổ chức kênh phân phối về thiết bị viễn thông, phụ kiện phục vụ trong và ngoài Tập đoàn, và hoạt động thương mại mua, bán vật tư sản xuất cáp phục vụ các dự án, công trình xây dựng.

Về chính sách chất lượng, với tôn chỉ “Sản xuất, cung cấp sản phẩm dịch vụ đạt chất lượng cao, có vị trí hàng đầu về chất lượng tại Việt Nam và thoả mãn yêu cầu của khách hàng; trên cơ sở đó, đảm bảo sự phát triển bền vững của Công ty và mang lại lợi ích hợp lý cho các Cổ đông”, Công ty cam kết thực luôn thực hiện đúng các quy trình quản lý và sản xuất, không ngừng nghiên cứu áp dụng các giải pháp cải tiến kỹ thuật, nâng cao chất lượng sản phẩm, tăng năng suất lao động, giảm thiểu hư hỏng, thất thoát.

Với khách hàng, Công ty luôn duy trì tinh thần làm việc nghiêm túc, chuyên nghiệp, xây dựng quan hệ lâu dài, gần gũi với mọi khách hàng và bạn hàng; bám sát thị trường để kịp thời đề xuất cải tiến và điều chỉnh sản phẩm, dịch vụ cho phù hợp.

Về xây dựng chiến lược nguồn nhân lực, hoạch định nguồn nhân lực trong từng giai đoạn phát triển của Công ty, Công ty có chính sách, chế độ đãi ngộ phù hợp để thu hút nhân tài. Công ty xác định con người là nguồn lực quan trọng nhất trong tất cả các nguồn lực để phát triển sản xuất kinh doanh, là nhân tố quyết định sự tồn tại và phát triển của doanh nghiệp..

Tất cả các chính sách và chiến lược trên được thực hiện để hướng tới khách hàng: Luôn tận tâm vì sự hài lòng của khách hàng, xây dựng mối quan hệ với các khách hàng nhằm tăng thêm giá trị, lợi ích và luôn vượt lên sự mong đợi của khách hàng.

Định hướng phát triển của Công ty nêu trên được đánh giá là phù hợp với định hướng phát triển của ngành hạ tầng viễn thông – điện lực.

Thị trường tiêu thụ

VINACAP là đơn vị thành viên Tập đoàn VNPT đã có quan hệ truyền thống và uy tín lâu năm với Tập đoàn, Viễn thông và Bru điện tỉnh thành trong cả nước, các đơn vị trong VNPT. Cụ thể:

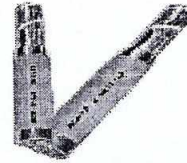
Hình ảnh một số sản phẩm cáp thông tin lõi đồng tiêu biểu

Cáp tự treo có dấu



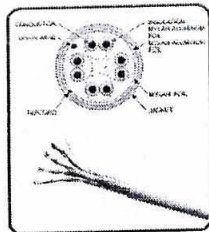
- Dung lượng từ 1 đôi đến 600 đôi.
- Đường kính dây dẫn 0,4mm; 0,5mm; 0,6mm
- Dây dẫn đồng 0,4; 0,5 mm tráng thiếc
- Vỏ bọc PVC chống cháy

Cáp Tip

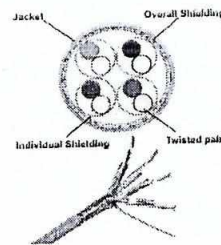


- Dung lượng đến 600 đôi
- Dây dẫn đồng 0,4; 0,5 mm tráng thiếc
- Vỏ bọc PVC chống cháy

Cáp mạng Lan Dintek CAT.5E FTP



Cáp mạng Lan Dintek CAT.6 S-STP



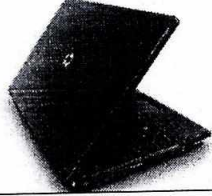

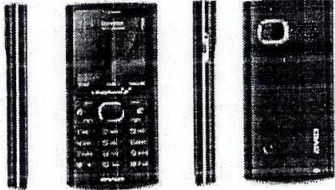
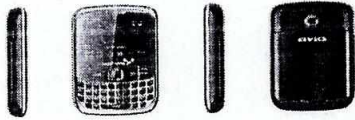
Nhận biết được sự xu hướng của thị trường trong việc thay thế cáp thông tin lõi đồng bằng cáp quang, Công ty đã đầu tư dây chuyền sản xuất cáp quang và chính thức vận hành từ đầu năm 2008. Đến tháng 9 năm 2008, Công ty đã đưa sản phẩm cáp quang ra thị trường, doanh thu của sản phẩm này trong 4 tháng năm 2008 mang lại 28,2 tỷ đồng chiếm 26,4% doanh thu năm 2008. Doanh thu cáp viễn thông sợi đồng cả năm 2008 là 44,3 tỷ chiếm 41,5% doanh thu năm 2008. Tuy nhiên, xu thế thị trường cáp viễn thông sợi đồng ngày càng sụt giảm. Năm 2009, doanh thu của sản phẩm cáp quang tiếp tục tăng mạnh và cáp viễn thông sợi đồng tiếp tục giảm do nhu cầu về sản phẩm này trên thị trường giảm xuống. Sang năm 2010, doanh thu từ cáp quang trong 9 tháng đầu năm đã vượt cả năm 2010 ở mức 83,6 tỷ đồng.

Dòng sản phẩm cáp quang được sản xuất theo các đơn đặt hàng lớn của Tập đoàn Bưu chính Viễn thông Việt Nam (VNPT), Tập đoàn Viễn thông Quân đội (Viettel), Tập đoàn FPT với chất lượng tốt, uy tín trên thị trường hiện nay.

Hình ảnh một số sản phẩm cáp quang

Cáp quang

Các sản phẩm thiết bị công nghệ thông tin tiêu biểu

Máy tính	
HP 3G Pavilion dm3	HP ProBook 5310m
	
HP Mini 5101	HP ProBook 4310s
Điện thoại	
	
A401	A204

❖ **Cung cấp thiết bị viễn thông, thiết bị nguồn: Thiết bị truyền dẫn quang SDH, thiết bị nguồn, USB, SIM card....**

Thi công xây lắp mạng viễn thông: lắp đặt thiết bị nguồn, thiết bị truyền dẫn

2.4. Địa bàn kinh doanh

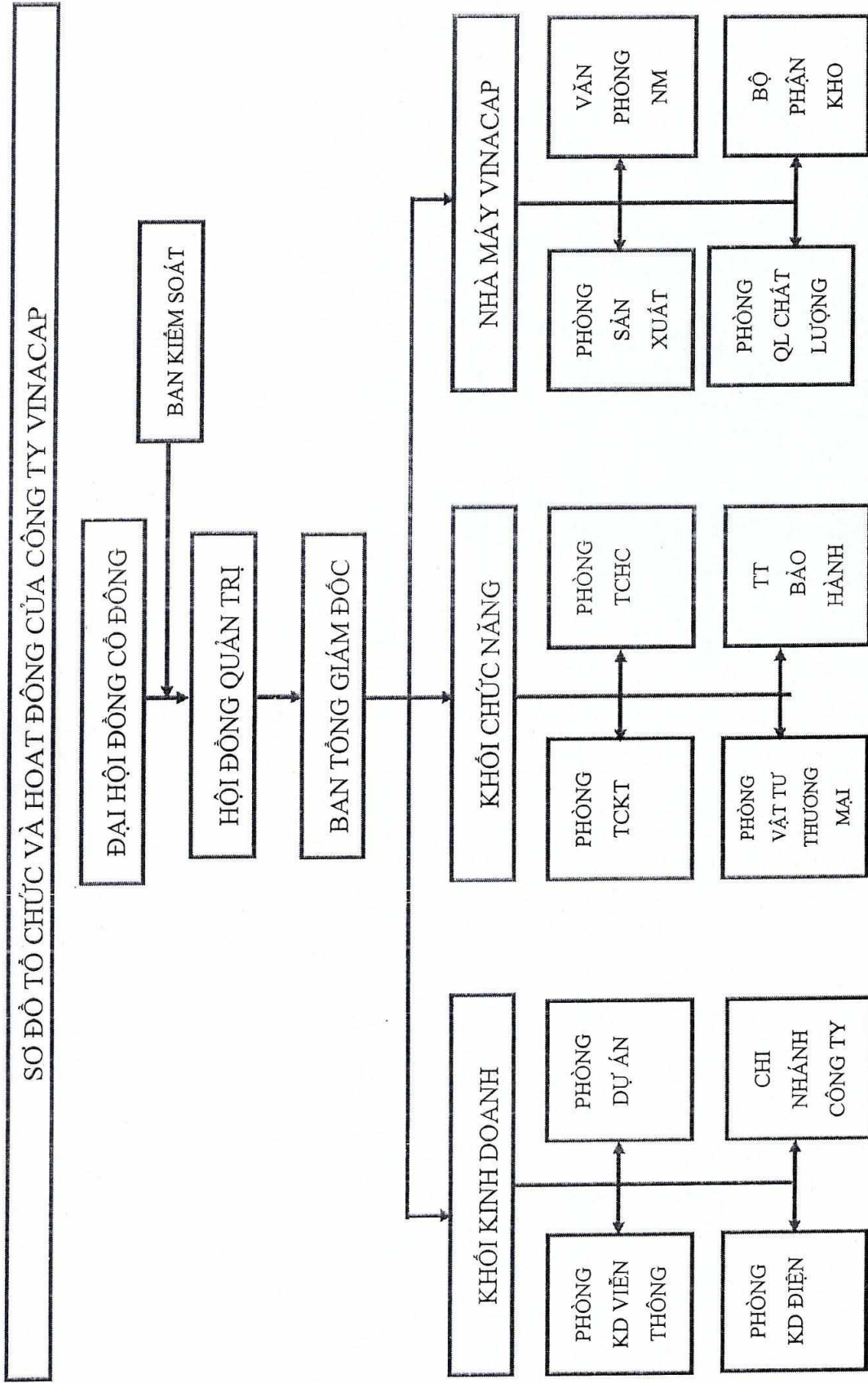
Công ty có địa bàn hoạt động kinh doanh trên toàn quốc với hệ thống đại lý bàn hàng trải rộng trên các tỉnh toàn quốc và bước đầu có hoạt động xuất khẩu sang thị trường một số nước: Myanmar, Phillipine, Campuchia... và các nước khác trên thế giới tuân thủ theo quy định của Pháp luật Việt Nam và thông lệ Quốc tế.

3. Thông tin về mô hình quản trị, tổ chức kinh doanh và bộ máy quản lý

Cơ cấu tổ chức của Công ty hiện tại bao gồm 01 trụ sở chính – Nhà máy sản xuất và 01 văn phòng giao dịch:

- ❖ Trụ sở chính Công ty Cổ phần Viễn thông Điện tử VINACAP – Nhà máy sản xuất
 - Địa chỉ: Dốc Vân, Yên Viên, Gia Lâm, Hà Nội
 - Điện thoại : 024.3827312 - Fax: 024.382722292
- ❖ Văn phòng giao dịch:
 - Địa chỉ: Tầng 3 Tòa nhà N03-T5 Khu Ngoại Giao Đoàn, Phường Xuân Tảo, Quận Bắc Từ Liêm, Hà Nội

❖ Cơ cấu bộ máy quản lý của Công ty VINACAP chi tiết được thể hiện theo sơ đồ dưới đây:



(Nguồn: VINACAP)

❖ **Diễn giải sơ đồ:**

Đại hội đồng cổ đông:

Đại hội đồng cổ đông là cơ quan có thẩm quyền cao nhất của Công ty, quyết định những vấn đề thuộc nhiệm vụ và quyền hạn được Điều lệ Công ty và Pháp luật liên quan quy định. Đại hội đồng cổ đông có các quyền và nhiệm vụ sau:

- Thông qua, sửa đổi, bổ sung Điều lệ.
- Thông qua kế hoạch phát triển Công ty, thông qua Báo cáo tài chính hàng năm, báo cáo của HĐQT, Ban kiểm soát và của Kiểm toán viên.
- Quyết định số Thành viên HĐQT.
- Bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm Thành viên HĐQT, Ban kiểm soát.
- Các quyền khác được quy định tại Điều lệ Công ty.

Hội đồng quản trị:

Hội đồng quản trị có toàn quyền nhân danh Công ty để quyết định các vấn đề liên quan đến mục đích, quyền lợi của Công ty, trừ những vấn đề thuộc thẩm quyền ĐHĐCĐ. HĐQT có các quyền sau:

- Quyết định cơ cấu tổ chức của Công ty.
- Quyết định chiến lược đầu tư, phát triển của Công ty trên cơ sở các mục đích chiến lược do ĐHĐCĐ thông qua.
- Bổ nhiệm, miễn nhiệm, cách chức Tổng giám đốc điều hành hoặc người đại diện của Công ty khi Hội đồng quản trị cho rằng đó là vì lợi ích tối cao của Công ty. Có ý kiến về việc Tổng giám đốc bổ nhiệm, bãi nhiệm Phó Tổng giám đốc, Kế toán trưởng công ty. Việc bãi nhiệm nói trên không được trái với các quyền theo hợp đồng của những người bị bãi nhiệm (nếu có);
- Kiến nghị sửa đổi bổ sung Điều lệ, báo cáo tình hình kinh doanh hàng năm, Báo cáo tài chính, quyết toán năm, phương án phân phối lợi nhuận và phương hướng phát triển, kế hoạch phát triển sản xuất kinh doanh và ngân sách hàng năm trình ĐHĐCĐ.
- Triệu tập, chỉ đạo chuẩn bị nội dung và chương trình cho các cuộc họp ĐHĐCĐ.
- Đề xuất việc tái cơ cấu lại hoặc giải thể Công ty.
- Các quyền khác được quy định tại Điều lệ.

Ban Kiểm soát:

Ban kiểm soát do ĐHĐCĐ bầu ra gồm 03 (ba) thành viên, thay mặt cổ đông để kiểm soát mọi hoạt động quản trị và điều hành sản xuất kinh doanh của Công ty. Ban kiểm soát chịu trách nhiệm trước ĐHĐCĐ và Pháp luật về những công việc thực hiện theo quyền và nghĩa vụ như sau:

- Kiểm tra sổ sách kế toán và các Báo cáo tài chính của Công ty, kiểm tra tính hợp lý, hợp pháp của các hoạt động sản xuất kinh doanh và tài chính Công ty, kiểm tra việc thực hiện các nghị quyết, quyết định của HĐQT.
- Trình ĐHĐCĐ báo cáo thẩm tra các báo cáo tài chính của Công ty, đồng thời có quyền trình bày ý kiến độc lập của mình về kết quả thẩm tra các vấn đề liên quan tới hoạt động kinh doanh, hoạt động của HĐQT và Ban Tổng Giám đốc.
- Yêu cầu HĐQT triệu tập ĐHĐCĐ bất thường trong trường hợp xét thấy cần thiết.
- Các quyền khác được quy định tại Điều lệ.

Ban Tổng giám đốc:

Tổng Giám đốc Công ty là người đại diện theo pháp luật của Công ty, là người điều hành công việc kinh doanh hàng ngày của công ty; chịu sự giám sát của Hội đồng quản trị và chịu trách nhiệm trước Hội đồng quản trị và trước pháp luật về việc thực hiện các quyền và nhiệm vụ được giao.

Các Phó Tổng Giám đốc giúp việc cho Tổng Giám đốc trong hoạt động điều hành sản xuất kinh doanh. Theo dõi và quản lý khối sản xuất trực tiếp. Thay mặt Tổng Giám đốc giải quyết các công việc trong quá trình hoạt động sản xuất kinh doanh theo sự phân công và trong phạm vi uỷ quyền của Tổng Giám đốc, chịu trách nhiệm trước Tổng Giám đốc về việc thực hiện các quyền và nghĩa vụ được giao một cách trung thực, khẩn cấp, vì lợi ích của Công ty và cổ đông.

Dưới quyền Ban Tổng Giám đốc có các Phòng ban chức năng giúp Ban Tổng Giám đốc quản lý, giám sát và triển khai các hoạt động sản xuất kinh doanh theo chức năng của Công ty, cụ thể:

Khối Kinh doanh

✓ Phòng Kinh doanh Viễn thông:

Phòng Kinh doanh có chức năng thực hiện các nhiệm vụ được Ban Tổng Giám đốc giao trong công tác quản lý, điều hành, kinh doanh các sản phẩm và dịch vụ trong lĩnh vực viễn thông và công nghệ thông tin của Công ty.

- Thực hiện chiến lược, chính sách bán hàng, phương án tác nghiệp thị trường sản phẩm viễn thông và công nghệ thông tin;

- Nghiên cứu, phân tích, phân đoạn thị trường. Dự báo nhu cầu các sản phẩm, dịch vụ của Công ty. Đề xuất và thực hiện các biện pháp kinh doanh, bán hàng, marketing trong từng giai đoạn, từng vùng thị trường. Đề xuất và thực hiện phương án phát triển, mở rộng hoặc hạn chế các sản phẩm, dịch vụ. Tìm kiếm và mở rộng thị trường trong và ngoài nước;
- Phối hợp với các bộ phận sản xuất, quản lý chất lượng đảm bảo cung ứng kịp thời sản phẩm viễn thông và công nghệ thông tin cho khách hàng. Phối hợp với phòng Tài chính kế toán trong việc lập và phân tích giá bán các sản phẩm, xây dựng quy trình thu tiền bán các sản phẩm viễn thông;
- Tổ chức thực hiện các hoạt động xúc tiến bán hàng như quảng cáo, khuyến mại, quan hệ công chúng, tổ chức tham gia hội chợ, triển lãm, hội thảo nhằm nâng cao hình ảnh của Công ty trên thị trường;
- Giải quyết các khiếu nại của khách hàng liên quan đến sản phẩm và dịch vụ;
- Đề xuất, thực hiện các chiến lược, chính sách bán hàng, phương án tác nghiệp thị trường sản phẩm Công nghệ thông tin viễn thông tin học;
- Nghiên cứu, phân tích, phân đoạn thị trường. Dự báo nhu cầu các sản phẩm, dịch vụ của Công ty. Đề xuất các biện pháp kinh doanh, bán hàng, marketing trong từng giai đoạn, từng vùng thị trường. Đề xuất phương án phát triển, mở rộng hoặc hạn chế các sản phẩm, dịch vụ. Tìm kiếm và mở rộng thị trường trong và ngoài nước;
- Thực hiện các công tác nghiên cứu phát triển sản phẩm: tìm hiểu khách hàng, tích hợp hệ thống, tạo các kiểu dáng tiện ích theo nhu cầu của khách hàng. Xây dựng giải pháp cho các hệ thống mạng LAN, WAN, INTERNET... cùng với thiết bị công nghệ viễn thông tiên tiến nhất và công nghệ mạng khác để đưa ra giải pháp thích hợp cho nhà sản xuất.

✓ **Phòng Dự án:**

Phòng Dự án có chức năng thực hiện các nhiệm vụ được Ban Tổng Giám đốc giao trong công tác quản lý, điều hành, kinh doanh các sản phẩm và dịch vụ trong lĩnh vực viễn thông và công nghệ thông tin của Công ty với các thị trường khách hàng lớn là các nhà mạng viễn thông VNPT, MobiFone, Viettel, EVN, FPT, CMC....

✓ **Phòng Kinh doanh Điện:**

Phòng kinh doanh Điện có chức năng thực hiện các nhiệm vụ được Ban Tổng Giám đốc giao trong công tác quản lý, điều hành, kinh doanh các lĩnh vực liên quan đến sản phẩm điện dân dụng:

dụng máy, thiết bị, phối kết hợp với các phòng ban ở nhà máy tổ chức huấn luyện an toàn theo định kỳ;

- Tham mưu cho Tổng Giám đốc trong việc áp dụng các quy định của pháp luật vào hoạt động của công ty. Thường xuyên, liên tục cập nhật các thông tin pháp luật, văn bản pháp luật phục vụ cho hoạt động của công ty. Kết hợp với các phòng ban khác trong việc đánh giá nhắc nhở thực hiện an toàn lao động;
- Tiến hành công tác thi đua khen thưởng và các thủ tục xử lý kỷ luật người lao động vi phạm nội quy lao động;
- Xây dựng, hướng dẫn và giám sát việc thực hiện nội quy lao động, quy chế công ty của các bộ phận, phòng ban và nhân viên công ty;
- Quản lý đất đai, nhà cửa, kho xưởng, thiết bị văn phòng, dụng cụ hành chính của Công ty. Quản lý con dấu của Công ty, công văn tài liệu, giao nhận công văn đi và công văn đến;
- Thường trực văn phòng, hướng dẫn khách đến giao dịch, làm việc;
- Giải quyết các công việc hành chính hàng ngày khác của công ty.

✓ ***Phòng Tài chính kế toán:***

Phòng tài chính kế toán có chức năng thực hiện các nhiệm vụ được Ban Tổng Giám đốc giao trong công tác quản lý, điều hành toàn bộ công tác tài chính, kế toán, hạch toán kinh doanh trong Công ty.

- Lập và tổ chức thực hiện kế hoạch tài chính trên cơ sở kế hoạch kinh doanh của Công ty;
- Tham mưu cho Ban Tổng Giám đốc về các chính sách tài chính, đầu tư tài chính của Công ty;
- Xây dựng Quy trình thu tiền bán hàng và quản lý hệ thống tài chính của Công ty;
- Phân tích, lập các báo cáo Ban Tổng giám đốc và các cơ quan quản lý cấp trên định kỳ tháng/ quý/ năm và theo yêu cầu để phục vụ cho công tác quản trị doanh nghiệp, quản lý, điều hành sản xuất kinh doanh của Ban Tổng giám đốc;
- Tính toán giá thành sản phẩm nhập kho hàng tháng, xác định doanh thu và giá vốn hàng bán. Quản lý các kho, quản lý và tính toán khấu hao tài sản cho Công ty;
- Thực hiện các hoạt động thanh toán, thu hồi công nợ, quản lý các quỹ của Công ty, quản lý phần vốn góp hoạt động đầu tư tài chính của Công ty tại các doanh nghiệp khác;
- Thực hiện hạch toán ban đầu, hạch toán giá thành sản phẩm;

- Xây dựng dự toán, ký hợp đồng kinh tế, quản lý thu, chi; kiểm tra giám sát chặt chẽ tình hình sử dụng vốn cố định, vốn lưu động, thực hiện các công tác nghiệp vụ kế toán; thường xuyên đối chiếu, theo dõi tình hình công nợ và đề xuất với lãnh đạo Công ty hướng giải quyết;
- Tính lương, bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế và thanh toán lương cho các thành viên trong Công ty;
- Giải quyết mọi vấn đề liên quan đến công việc kế toán trong Công ty;
- Thực hiện các Công tác liên quan đến thuế.

✓ **Phòng Vật tư Thương mại:**

Phòng Vật tư thương mại có chức năng thực hiện các nhiệm vụ được Ban Tổng Giám đốc giao trong công tác quản lý, điều hành, kinh doanh trong lĩnh vực mua, nhập khẩu vật tư, nguyên vật liệu, thiết bị, máy móc, phụ tùng, công cụ, dụng cụ... phục vụ sản xuất của Công ty và kinh doanh các mảng hoạt động theo yêu cầu của Ban Tổng Giám đốc. Phụ trách các vấn đề liên quan đến việc xây dựng, duy trì và phát triển thương hiệu của Công ty.

- Xây dựng kế hoạch và thực hiện mua, cung cấp kịp thời phục vụ sản xuất. Tham mưu, đề xuất cho Ban Tổng Giám đốc trong việc mua vật tư, nguyên vật liệu dự trữ cho sản xuất và triển khai sau khi được phê duyệt;
- Bám sát thị trường cung cấp, tìm kiếm các nhà cung cấp, giải quyết các công việc liên quan để mua vật tư với giá hợp lý nhất, chất lượng đảm bảo, thời gian cung ứng kịp thời;
- Chịu trách nhiệm giải quyết các công việc liên quan đến hoạt động nhập khẩu vật tư, nguyên vật liệu, thiết bị, máy móc... như thủ tục hải quan, vận chuyển hàng về nhà máy;
- Phối hợp, hỗ trợ các phòng kinh doanh trong công tác xuất nhập khẩu sản phẩm;
- Phối hợp với các Phòng ban khác xây dựng, phát triển và quảng cáo thương hiệu Công ty.
- Tham mưu, giúp việc và thực hiện các nhiệm vụ được Ban Tổng giám đốc giao trong công tác xây dựng chiến lược, kế hoạch và thực hiện bán hàng.
 - o Chịu trách nhiệm lãnh đạo, quản lý đội ngũ nhân viên bán hàng và đội ngũ hỗ trợ bán hàng thực hiện đúng các mục tiêu kinh doanh;
 - o Xây dựng chiến lược và kế hoạch phát triển bán hàng, hệ thống phân phối trong địa bàn đảm bảo sự hiện diện và hình ảnh sản phẩm tại điểm bán trong vùng;
 - o Tổ chức đội ngũ nhân sự kinh doanh có năng lực và nhiệt huyết nhằm thực hiện các chiến lược và kế hoạch kinh doanh được giao;

- Quản lý và sử dụng hiệu quả các nguồn lực bao gồm: hệ thống phân phối, đại lý, khách hàng, nguồn nhân lực, vật lực và ngân sách hoạt động tiếp thị được phân bổ;
- Khảo sát, nghiên cứu và đánh giá thị trường để khai thác và phát triển khách hàng, kênh phân phối trong khu vực quản lý nhằm đa dạng hóa và đẩy mạnh sự tăng trưởng về thị phần, doanh số;
- Chuẩn bị và phát triển đội ngũ nhân viên chuyên nghiệp cho nhu cầu hiện tại, tương lai cũng như định hướng phát triển của Công ty.

✓ **TT Bảo hành:**

- Thực hiện các nhiệm vụ hỗ trợ chăm sóc khách hàng của Công ty.
- Bảo trì, bảo dưỡng các sản phẩm dịch vụ của Công ty.

Khởi nhà máy

✓ **Phòng sản xuất:**

Phòng có chức năng quản lý, tổ chức sản xuất; quản lý, bảo dưỡng sửa chữa máy móc thiết bị của xưởng sản xuất điện dân dụng, xưởng sản xuất viễn thông.

- Lập kế hoạch sản xuất trên cơ sở kế hoạch kinh doanh của Công ty;
- Lập kế hoạch nhu cầu vật tư, nguyên vật liệu, công cụ, dụng cụ phục vụ cho nhu cầu sản xuất;
- Tổ chức sản xuất theo yêu cầu của các Bộ phận/ Phòng Kinh doanh đảm bảo hiệu quả thiết bị máy móc, con người;
- Quản lý và bố trí lao động, máy móc thiết bị. Kiểm soát quá trình sản xuất, kiểm tra đôn đốc việc chấp hành nội quy lao động, nội quy an toàn lao động, vệ sinh lao động, qui trình công nghệ;
- Nghiên cứu, cải tiến công đoạn trong quy trình sản xuất. Tham gia nghiên cứu phát triển sản phẩm mới, các dự án đầu tư theo yêu cầu của công ty;
- Phối hợp với Phòng quản lý chất lượng trong việc xây dựng tiêu chuẩn tác nghiệp, tài liệu ISO liên quan đến quản lý sản xuất và cơ điện.
- Xây dựng kế hoạch tiến độ, kế hoạch năng lực sản xuất;
- Thiết lập các cải tiến trong quá trình sản xuất;
- Kiểm soát chi phí sản xuất với ngân sách cho phép của công ty, kiểm soát định mức tiêu hao nguyên vật liệu, định mức lao động, báo cáo lượng tồn kho kịp thời phục vụ sản xuất;

- Đảm bảo chất lượng sản phẩm (QA) và kiểm soát chất lượng sản phẩm (QC);
- Kiểm soát các quy trình thực hiện công việc.

✓ **Phòng quản lý chất lượng:**

Phòng quản lý chất lượng có chức năng thực hiện các nhiệm vụ được Ban Tổng giám đốc giao trong công tác quản lý, điều hành lĩnh vực chất lượng, kỹ thuật trong toàn Công ty:

- Chịu trách nhiệm về mọi công việc liên quan đến việc thiết lập, thực hiện và duy trì có hiệu quả hệ thống QLCL ISO 9001: 2015 trong toàn Công ty;
- Chịu trách nhiệm về việc duy trì và nâng cao chất lượng sản phẩm phù hợp với các tiêu chuẩn, yêu cầu của khách hàng;
- Kiểm tra, kiểm soát chất lượng bán sản phẩm và sản phẩm cuối cùng. Tiến hành phân tích, đề xuất, thực hiện các biện pháp nhằm nâng cao chất lượng sản phẩm;
- Chuẩn bị kế hoạch, kiểm soát việc hiệu chuẩn, kiểm chuẩn các thiết bị đo lường và thử nghiệm bên ngoài và bên trong công ty;
- Phối hợp với các phòng ban liên quan nghiên cứu phát triển các sản phẩm mới.

✓ **Văn phòng nhà máy:**

Thực hiện các công tác nghiệp vụ hành chính, bảo vệ, phòng cháy chữa cháy tại Nhà máy VINACAP.

✓ **Bộ phận Kho:**

Thực hiện các công tác nghiệp vụ xuất nhập, bảo quản tiếp nhận hàng hóa của Công ty tại Nhà máy VINACAP.

4. Các công ty con, công ty liên kết: (Nêu danh sách, địa chỉ, lĩnh vực sản xuất kinh doanh chính, vốn điều lệ thực góp, tỷ lệ sở hữu của Công ty tại các công ty con, công ty liên kết).

VINACAP là đơn vị thành viên Tập đoàn Bưu chính Viễn thông Việt Nam (VNPT) với số vốn góp là 49.920.000.000 đồng (Bốn mươi chín tỷ chín trăm hai mươi triệu đồng) tương đương 4.992.000 cổ phần chiếm 32% vốn điều lệ.

❖ **VINACAP không có công ty mẹ.**

5. Định hướng phát triển

- Các mục tiêu chủ yếu của Công ty:
 - o Đảm bảo hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty luôn tuân thủ các quy định của pháp luật hiện hành

- Đảm bảo hiệu quả hoạt động SXKD
- Đảm bảo hài hòa lợi ích của cổ đông, nhà đầu tư và Công ty
- Chiến lược phát triển trung và dài hạn:
 - Tăng trưởng bền vững, đạt hiệu quả cao
- Các mục tiêu đối với môi trường, xã hội và cộng đồng của Công ty:
 - Tạo công ăn việc làm cho toàn thể cán bộ công nhân viên
 - Có trách nhiệm với xã hội

6. Các rủi ro: (Nêu các rủi ro có thể ảnh hưởng đến hoạt động sản xuất kinh doanh hoặc đối với việc thực hiện các mục tiêu của Công ty).

6.1. Tăng trưởng kinh tế

Là một yếu tố quan trọng trong nền kinh tế quốc dân, hoạt động sản xuất, kinh doanh hàng hóa, dịch vụ của doanh nghiệp chịu ảnh hưởng trực tiếp bởi các biến động của nền kinh tế trong nước và thế giới.

6.2. Lạm phát

Tình hình lạm phát ở nước ta trong thời gian qua có những diễn biến khó lường. Sự biến động của lạm phát trong thời gian qua sẽ ảnh hưởng trực tiếp tới giá cả đầu vào, cũng như sản phẩm dịch vụ đầu ra của Công ty. Điều đó sẽ gây khó khăn cho Công ty trong việc điều chỉnh các chiến lược phù hợp với môi trường kinh doanh đang có những biến động mạnh.

Tuy nhiên nền kinh tế thế giới nói chung và Việt Nam nói riêng sau khủng hoảng có triển vọng phát triển tốt là lực đẩy tốt cho ngành sản xuất vật liệu, thiết bị phục vụ cho những ngành hạ tầng thiết yếu như viễn thông và điện lực phát triển.

6.3. Rủi ro về luật pháp

Công ty chịu sự điều chỉnh của Luật Doanh nghiệp và các văn bản có liên quan. Ngoài ra, khi trở thành công ty đại chúng và niêm yết cổ phiếu trên thị trường chứng khoán, Công ty phải tuân theo Luật chứng khoán, các văn bản pháp luật về chứng khoán và thị trường chứng khoán.

6.4. Rủi ro đặc thù

- Rủi ro về biến động giá nguyên vật liệu
- Rủi ro tỷ giá
- Rủi ro về thị trường tiêu thụ sản phẩm

6.5. Vị thế của Công ty

Lịch sử phát triển của Công ty là tiếp bước quá trình phát triển thành công của Công ty liên doanh Vinadaesung – Là liên danh giữa Tập đoàn VNPT và Deasung – Korea - Nexans - Pháp.

Ngày 28/6/2007 đã đánh dấu mốc đặc biệt quan trọng trong chặn đường hồi sinh Vinadeasung và ra đời VINACAP. Thời điểm đó, sản phẩm cáp đồng đang suy thoái, ngành công nghiệp cáp đứng trước khó khăn nghiêm trọng và cuộc cách mạng về công nghệ cáp quang chính thức bùng nổ. Công ty đã mạnh dạn đầu tư dây chuyền sản xuất cáp quang để giải quyết nhu cầu thị trường và nâng cao vị thế của Công ty trong ngành sản xuất cáp.

Đến nay, sản phẩm dây cáp quang vẫn là sản phẩm kinh doanh cốt lõi, mang lại nguồn doanh thu lớn cho Công ty. Nhận thấy nhu cầu về việc nâng cấp hạ tầng viễn thông của các nhà mạng lớn, Công ty chú trọng việc sản xuất và phân phối dây cáp quang single mode, sử dụng cho các công trình về mạng điện thoại và mạng truyền hình cáp. Số lượng doanh nghiệp hoạt động trong ngành sản xuất dây cáp quang, đặc biệt là cáp quang single mode không nhiều, do đó sự cạnh tranh về sản phẩm kinh doanh chủ đạo của Công ty rất thấp. Công ty đã cung cấp sản phẩm này cho những công trình lớn của các đối tác như VNPT, MobiFone, Viettel, FPT, CMC, EVN.

Ngoài ra, Công ty đang mở rộng thêm hệ thống sản xuất và phân phối sản phẩm dây cáp điện hiện đại. Sản phẩm này đang có sự cạnh tranh rất lớn trong ngành, buộc Công ty phải nỗ lực nghiên cứu và cải tiến dây chuyền sản xuất nhằm nâng cao chất lượng sản phẩm, từng bước mở rộng thị phần và nâng cao vị thế như những gì Công ty đã làm được với sản phẩm cáp quang.

Với những kinh nghiệm có được trong 15 năm hình thành và phát triển, cùng những quan hệ sẵn có với các đối tác lớn sẽ là tiền đề để Công ty tiếp tục phát triển bền vững và nâng cao vị thế trong những năm tiếp theo.

6.6. Triển vọng phát triển của ngành

Theo Quy hoạch phát triển viễn thông quốc gia đến năm 2020 đã được Thủ tướng chính phủ phê duyệt (Theo Quyết định số 32/2012/QĐ-TTg ngày ngày 27 tháng 7 năm 2012). Các nhà mạng viễn thông (VNPT, MobiFone, Viettel, CMC, FPT....) đầu tư mạnh hạ tầng lõi viễn thông với những nhà cung cấp thiết bị lớn Ericsson, Huawei, ZTE.... đồng thời tiếp tục đầu tư, phát triển vào các dịch vụ mũi nhọn như di động, băng rộng, CNTT, Giá trị gia tăng, khẩn trương triển khai có hiệu quả việc phủ sóng 4G trên toàn quốc với định hướng lâu dài là 5G, đặc trưng của Việt Nam để có thể đón đầu xu thế của cuộc cách mạng công nghiệp lần thứ 4, tạo ra nền tảng để đưa ngành Viễn thông, CNTT của Việt Nam vươn tầm ra thế giới.

Viễn thông, hạ tầng mạng lưới viễn thông, Internet của Việt Nam được đánh giá là phát triển hiện đại, bao trùm rộng khắp, băng rộng tốc độ cao, hoạt động ổn định. Với việc phóng thành công 02 vệ tinh lên quỹ đạo trái đất, Việt Nam đã ghi tên mình vào danh sách các nước đã có chủ quyền trên quỹ đạo vệ tinh và kết cấu hạ tầng thông tin của Việt Nam đã được đảm bảo bằng tất cả các hình thức liên lạc tiên tiến hiện đại nhất thế giới. Tỷ lệ phủ sóng thông tin di động đạt 95% diện tích, tổng băng thông kênh kết nối quốc tế đạt 1.450Mb/s, tăng hơn 12 lần so với năm 2010.

Đồng thời, Việt Nam tiếp tục là một trong những thị trường viễn thông có tốc độ tăng trưởng nhanh nhất trong khu vực và trên thế giới trong suốt 10 năm qua. Đến nay, tổng số thuê bao điện

thoại hiện có khoảng trên 131 triệu máy (trong đó: di động chiếm 94,86%, cố định: chiếm 5,14%), cao gấp 10 lần so với năm 2005; mật độ điện thoại đạt khoảng 140 máy/100 dân; tỷ lệ thuê bao Internet băng rộng đạt 6,5 thuê bao/100 dân, cao gấp gần 2 lần so với năm 2010, cao gấp 30 lần so với năm 2005.

Tỷ lệ thuê bao Internet băng rộng di động đạt 36,6 thuê bao/100 dân; toàn quốc có trên 58 triệu người sử dụng Internet, tỷ lệ người sử dụng Internet đạt trên 50% dân số, cao gấp 1,7 lần so với năm 2010, hằng năm Doanh thu Viễn thông đạt khoảng 17 tỷ USD, cao gấp gần 2 lần so với năm 2010, cao gấp gần 10 lần so với năm 2005, lợi nhuận hằng năm khoảng 2,5 tỷ USD/năm, nộp ngân sách nhà nước 60.000 tỷ đồng/năm.

Công nghiệp CNTT đang trở thành ngành kinh tế có tốc độ phát triển nhanh, bền vững, doanh thu cao, có giá trị xuất khẩu lớn. Kim ngạch xuất khẩu điện thoại và linh kiện hằng năm đạt hơn 32 tỷ USD, tăng gấp 9 lần so với năm 2010 và kim ngạch xuất khẩu máy tính, điện tử và linh kiện đạt 14 tỷ USD, tăng gấp 4,5 lần so với năm 2010, tốc độ tăng trưởng của ngành từ 20 - 30%/năm.

Ứng dụng CNTT trong công tác quản lý, chỉ đạo, điều hành cũng như trong công tác chuyên môn ở các cơ quan nhà nước tiếp tục được cải thiện, rút ngắn khoảng cách, thời gian và nâng cao chất lượng phục vụ của cơ quan nhà nước đối với người dân và doanh nghiệp; hạ tầng ứng dụng CNTT tiếp tục được phát triển và hoàn thiện tạo điều kiện thuận lợi cho việc triển khai các ứng dụng CNTT. Tỷ lệ trung bình cán bộ, công chức tại các Bộ, ngành được trang bị máy tính phục vụ công việc đạt khoảng 90%; tỷ lệ máy tính kết nối Internet đạt trên 90%; tất cả các cơ quan nhà nước có mạng nội bộ phục vụ công việc. Hệ thống mạng truyền số liệu chuyên dùng của các cơ quan Đảng và Nhà nước được triển khai hoàn thành giai đoạn 2 đã kết nối được tới các Sở, ban hành quận, huyện.

Sự phát triển ngày càng mạnh mẽ của Công nghệ thông tin thế giới đòi hỏi hạ tầng ngành Công nghệ thông tin của Việt Nam phải liên tục được nâng cấp. Điều này đảm bảo cho triển vọng phát triển bền vững và lâu dài cho các doanh nghiệp trong ngành sản xuất dây cáp nói chung và Công ty nói riêng.

II. Tình hình hoạt động trong 6 tháng đầu năm 2018

1. Tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh

1.1. Kết quả SXKD 6 tháng đầu năm 2018

Đơn vị: triệu đồng

TT	Nội dung	Thực hiện năm 2017	Năm 2018		
			Kế hoạch cả năm 2018	Thực hiện 6 tháng đầu năm 2018	+/-%
1	Doanh thu	598.678	646.600	224.621	35%
2	Tổng lợi nhuận trước thuế	6.121		(6.908)	
2	Tổng lợi nhuận sau thuế	4.971	8.389	(6.908)	
3	Vốn điều lệ bình quân	156.000	156.000	156.000	100%
4	Tỷ lệ chia cổ tức (%)	2%/VĐL	4%/VĐL	-	

(Theo tài liệu Báo cáo tài chính đã kiểm toán 6 tháng đầu năm 2016)

T T	Họ và tên	Năm sinh	Nguyên quán	Trình độ chuyên môn	Chức vụ	Số lượng cổ phần	Tỷ lệ nắm giữ (%)	Ghi chú
3	Vũ Hồng Hạnh	1974	Thái Bình	Cử nhân	Kế toán trưởng	78,520	0,50 %	Bổ nhiệm ngày 17/05/2017
Bà Vũ Hồng Hạnh làm UV HĐQT / Tổng Giám đốc Công ty từ ngày 17/05/2017 theo Nghị Quyết số 91/17/NQ-ĐHĐCĐ ngày 17/05/2017 của Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2017.								
4	Trần Xuân Thái	1970	Hà Nội	Thạc sỹ	Phó Chủ tịch HĐQT	3.120.000	20%	Bổ nhiệm ngày 07/06/2018
Ông Trần Xuân Thái làm đại diện phần vốn của Tập đoàn VNPT tại VINACAP theo Quyết định số 64/QĐ-VNPT-HĐTV-NL ngày 30/03/2018.						3.120.000		
Ông Trần Xuân Thái làm Phó Chủ tịch HĐQT Công ty từ ngày 07/06/2018 theo Nghị Quyết số 36/18/NQ-ĐHĐCĐ ngày 07/06/2018 của Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2018.								
5	Trần Quốc Việt	1964	Hà Nội	Tiến sỹ	UV HĐQT	1.875.744	12,02%	Bổ nhiệm ngày 07/06/2018
Ông Trần Quốc Việt làm đại diện phần vốn của Tập đoàn VNPT tại VINACAP theo Quyết định số 64/QĐ-VNPT-HĐTV-NL ngày 30/03/2018.						1.872.000		
Ông Trần Quốc Việt làm UV HĐQT Công ty từ ngày 07/06/2018 theo Nghị Quyết số 36/18/NQ-ĐHĐCĐ ngày 07/06/2018 của Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2018.								
6	Ngô Hữu Tâm	1981	Thanh Hóa	Thạc sỹ quản trị kinh doanh	Ủy viên HĐQT	80.080	0,51%	Bổ nhiệm ngày 07/06/2018
Ông Ngô Hữu Tâm làm UV HĐQT Công ty từ ngày 07/06/2018 theo Nghị Quyết số 36/18/NQ-ĐHĐCĐ ngày 07/06/2018 của Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2018.								
7	Nguyễn Quang Trình	1983	Hải Dương	Thạc Sỹ	Trưởng Ban KS	0	0	Bổ nhiệm ngày 17/05/2017
Ông Nguyễn Quang Trình làm Trưởng Ban kiểm soát Công ty từ ngày 17/05/2017 theo Nghị Quyết số 91/17/NQ-ĐHĐCĐ ngày 17/05/2017 của Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2017.								

T T	Họ và tên	Năm sinh	Nguyên quán	Trình độ chuyên môn	Chức vụ	Số lượng cổ phần	Tỷ lệ nắm giữ (%)	Ghi chú
8	Đình Quang Hữu	1973	Ninh Bình	Thạc sỹ	TV BKS	28,600	0,18 %	
Ông Đình Quang Hữu làm TV BKS Công ty từ ngày 07/06/2018 theo Nghị Quyết số 36/18/NQ-ĐHĐCĐ ngày 07/06/2018 của Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2018.								
9	Phạm Văn Ninh	1975	Nam Định	Kỹ sư	TV BKS	10,400	0,07%	
Ông Phạm Văn Ninh làm TV BKS Công ty từ ngày 07/06/2018 theo Nghị Quyết số 36/18/NQ-ĐHĐCĐ ngày 07/06/2018 của Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2018.								
10	Vũ Hoàng Công	1984	Lạng Sơn	Thạc sỹ, CPA	Thành Viên BKS	0	0 %	Bổ nhiệm ngày 17/05/2017
Ông Vũ Hoàng Công làm Thành viên Ban kiểm soát Công ty từ ngày 17/05/2017 theo Nghị Quyết số 91/17/NQ-ĐHĐCĐ ngày 17/05/2017 của Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2017.								
11	Phạm Thùy Dương	1990	Hải Dương	Cử nhân	TV BKS	0	0	Bổ nhiệm ngày 17/05/2017
Bà Phạm Thùy Dương thôi làm TV BKS Công ty từ ngày 07/06/2018 theo Nghị Quyết số 36/18/NQ-ĐHĐCĐ ngày 07/06/2018 của Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2018.								
Tổng cộng						5,318,560	34,09%	

2.2. Thành viên Hội đồng Quản trị

HĐQT nhiệm kỳ 2017 – 2022 gồm 05 thành viên:

Hội đồng quản trị		Ghi chú
Ông Ngô Hồng Quân	Chủ tịch HĐQT	Bổ nhiệm ngày 07/06/2018
Bà Vũ Hồng Hạnh	Ủy viên HĐQT / Tổng Giám đốc	Bổ nhiệm ngày 17/05/2017
Ông Trần Xuân Thái	Phó Chủ tịch HĐQT thường trực	Bổ nhiệm ngày 07/06/2018
Ông Trần Quốc Việt	Ủy viên HĐQT	Bổ nhiệm ngày 07/06/2018
Ông Ngô Hữu Tâm	Ủy viên HĐQT	Bổ nhiệm ngày 07/06/2018

2.3. Ban Tổng Giám Đốc

Ban Tổng Giám đốc	
Bà Vũ Hồng Hạnh	Ủy viên HĐQT / Tổng Giám đốc
Ông Trần Xuân Thái	PCT HĐQT thường trực / Phó Tổng Giám đốc

2.4. Ban kiểm soát

Ban kiểm soát		Ghi chú
Ông Nguyễn Quang Trình	Trưởng Ban KS	Bổ nhiệm ngày 17/05/2017
Ông Vũ Hoàng Công	TV BKS	Bổ nhiệm ngày 17/05/2017
Ông Phạm Văn Ninh	TV BKS	Bổ nhiệm ngày 07/06/2018
Ông Đinh Quang Hữu	TV BKS	Bổ nhiệm ngày 07/06/2018

2.5. Những thay đổi trong ban điều hành: Có (xem chi tiết mục 2.1 ở trên)

2.6. Số lượng cán bộ, nhân viên.

Tóm tắt chính sách và thay đổi trong chính sách đối với người lao động.

Tổng số lao động trong Công ty tại thời điểm 30/03/2018 là 133 người, cơ cấu lao động theo trình độ được thể hiện trong bảng sau:

Tiêu chí	Số CBNV	Tỷ trọng (%)
Phân theo trình độ		
Đại học, trên đại học	55	41,35%
Cao đẳng	13	9,77%
Trung học chuyên nghiệp và Trình độ khác	65	48,87%
Tổng cộng	133	100%

(Nguồn: Công ty cổ phần Viễn thông Điện tử Vinacap)

Chính sách đối với người lao động

Nhân lực là yếu tố quan trọng quyết định thành công của mọi doanh nghiệp.

Chế độ làm việc

- Thời gian làm việc: Tại Văn phòng: 5 ngày 1 tuần, sáng từ 8h đến 12h, chiều từ 13h đến 17h. Tại Xưởng Sản xuất: do cần phải sản xuất liên tục nên chia làm 3 ca: ca 1 từ

7h đến 15h, ca 2 từ 15h đến 22h, ca 3 từ 22 đến 7h sáng. Nghỉ phép, lễ, Tết: Nhân viên công ty được nghỉ lễ, Tết theo đúng qui định của nhà nước.

- Nghỉ ốm, thai sản: Thời gian và chế độ được hưởng theo đúng qui định của nhà nước.
- Điều kiện làm việc: Công ty luôn cố gắng tạo điều kiện tốt nhất cho nhân viên làm việc, cụ thể, Công ty trang bị đầy đủ trang thiết bị để nhân viên làm việc. Ngoài ra, nguyên tắc an toàn lao động luôn được tuân thủ nghiêm ngặt.

Chính sách tuyển dụng, đào tạo

Với mục tiêu hướng đến kỹ năng chuyên môn hóa cao trong tất cả các bộ phận công tác, Công ty luôn khuyến khích người lao động nâng cao năng lực nghiệp vụ, chuyên môn để đảm bảo hoàn thành nhiệm vụ tốt nhất.

- Công ty có chính sách đào tạo nội bộ và đào tạo bên ngoài.
- Hỗ trợ kinh phí đào tạo cho cán bộ công nhân viên trong việc học tập nâng cao nghiệp vụ, kỹ thuật.
- Hướng tới tổ chức các lớp học, thi nâng cao tay nghề, bậc kỹ thuật.

Chính sách lương, thưởng, trợ cấp

Được chi trả căn cứ thực tế đóng góp của từng người cho hiệu quả chung của Công ty theo Quy chế cụ thể được công bố tới từng CBCNV.

Căn cứ vào doanh thu, năng lực và hiệu quả công việc của nhân viên, Công ty xem xét và áp dụng các chế độ thưởng vào cuối năm như: thưởng đối với các cá nhân hoặc phòng ban có thành tích xuất sắc...

Ngoài ra hàng năm công ty áp dụng chế độ thưởng theo định kỳ vào những dịp lễ tết: 30/4, 2/9, ngày sinh nhật của Công ty 28/6, các nhân viên được thưởng thêm 1 tháng lương, tết Dương lịch các nhân viên được thưởng thêm 1,5 tháng lương, tết Âm lịch, các nhân viên được thưởng thêm 2 tháng lương để động viên người lao động hăng say làm việc. Chế độ phụ cấp được chia thành 2 loại: phụ cấp công việc và phụ cấp trách nhiệm.

Chỉ tiêu	Năm 2016	Năm 2017
Mức lương bình quân (VNĐ/người/tháng)	6.500.000 đồng	7.000.000 đồng

(Nguồn: Công ty cổ phần Viễn thông Điện tử Vinacap)

3. Tình hình đầu tư, tình hình thực hiện các dự án: Không

a) Các khoản đầu tư lớn: Nêu các khoản đầu tư lớn được thực hiện trong năm (bao gồm các khoản đầu tư tài chính và các khoản đầu tư dự án), tình hình thực hiện các dự án lớn. Đối với trường hợp công ty đã chào bán chứng khoán để thực hiện các dự án, cần nêu rõ tiến độ thực hiện các dự án này và phân tích nguyên nhân dẫn đến việc đạt/không đạt tiến độ đã công bố và cam kết).

b) Các công ty con, công ty liên kết: (Tóm tắt về hoạt động và tình hình tài chính của các công ty con, công ty liên kết).

4. Tình hình tài chính

a) Tình hình tài chính

Chỉ tiêu	Năm 2017	6 tháng đầu năm 2018	% tăng giảm
<i>* Đối với tổ chức không phải là tổ chức tín dụng và tổ chức tài chính phi ngân hàng:</i>			
Tổng giá trị tài sản	375.246.405.497	343.232.224.835	91%
Doanh thu thuần	598.678.853.495	224.621.887.550	38%
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh	6.183.188.014	(6.731.787.622)	
Lợi nhuận khác	(61.188.871)	(176.782.381)	
Lợi nhuận trước thuế	6.121.999.143	(6.908.570.003)	
Lợi nhuận sau thuế	4.971.661.028	(6.908.570.003)	
Tỷ lệ lợi nhuận trả cổ tức	2%		
<i>* Đối với tổ chức tín dụng và tổ chức tài chính phi ngân hàng:</i>			
Tổng giá trị tài sản			
Doanh thu			
Thuế và các khoản phải nộp			
Lợi nhuận trước thuế			
Lợi nhuận sau thuế			

– Các chỉ tiêu khác: (tùy theo đặc điểm riêng của ngành, của công ty để làm rõ kết quả hoạt động kinh doanh trong hai năm gần nhất).

b) Các chỉ tiêu tài chính chủ yếu

CÁC CHỈ SỐ TÀI CHÍNH

TT	Chỉ tiêu	Công thức tính toán	Kỳ này	Cùng kỳ năm trước
1	Đòn cân nợ và cơ cấu tài sản nguồn vốn			
1.1	Bố trí cơ cấu tài sản			
	Tài sản dài hạn / Tổng tài sản	$= \frac{\text{Tài sản dài hạn}}{\text{Tổng tài sản}} =$	23,838,672,421 343,232,224,835 6.95%	26,241,423,621 284,614,920,716 9.22%
	Tài sản ngắn hạn / Tổng tài sản	$= \frac{\text{Tài sản ngắn hạn}}{\text{Tổng tài sản}} =$	319,393,552,414 343,232,224,835 93.05%	258,373,497,095 284,614,920,716 90.78%
1.2	Bố trí cơ cấu nguồn vốn			
	Nợ phải trả / Tổng nguồn vốn	$= \frac{\text{Nợ phải trả}}{\text{Tổng nguồn vốn}} =$	178,272,639,576 343,232,224,835 51.94%	114,586,574,115 284,614,920,716 40.26%
	Nguồn vốn chủ sở hữu / Tổng nguồn vốn (Hệ số tài trợ)	$= \frac{\text{Nguồn vốn chủ sở hữu}}{\text{Tổng nguồn vốn}} =$	164,959,585,259 343,232,224,835 48.06%	170,028,346,601 284,614,920,716 59.74%
1.3	Tỷ trọng vốn vay và nợ			
	Nợ ngắn hạn / Tổng nguồn vốn	$= \frac{\text{Nợ ngắn hạn}}{\text{Tổng nguồn vốn}} =$	178,272,639,576 343,232,224,835 51.94%	114,586,574,115 284,614,920,716 40.26%
	Nợ dài hạn / Tổng nguồn vốn	$= \frac{\text{Nợ dài hạn}}{\text{Tổng nguồn vốn}} =$	0 #DIV/0!	0 #DIV/0!
	Nợ dài hạn / Nguồn vốn chủ sở hữu	$= \frac{\text{Nợ dài hạn}}{\text{Nguồn vốn chủ sở hữu}} =$	0 #DIV/0!	0 #DIV/0!

Handwritten signature

TT	Chi tiêu	Công thức tính toán	Kỳ này	Cùng kỳ năm trước
1.4	Tỷ số Nợ phải trả / Vốn cổ phần	= $\frac{\text{Nợ phải trả}}{\text{Vốn đầu tư của chủ sở hữu}}$ = %	178,272,639,576	114,586,574,115
			161,044,700,000	161,044,700,000
			110.70%	71.15%
1.5	Tỷ số Nợ phải trả / Nguồn vốn chủ sở hữu (Hệ số nợ trên vốn chủ)	= $\frac{\text{Nợ phải trả}}{\text{Nguồn vốn chủ sở hữu}}$ = %	178,272,639,576	114,586,574,115
			164,959,585,259	170,028,346,601
			108.07%	67.39%
1.6	Tỷ số Nợ phải trả / Tổng tài sản (Hệ số nợ)	= $\frac{\text{Nợ phải trả}}{\text{Tổng tài sản}}$ = %	178,272,639,576	114,586,574,115
			343,232,224,835	284,614,920,716
			51.94%	40.26%
1.7	Tốc độ tăng tổng tài sản	= $\frac{\text{Tổng tài sản cuối kỳ} - \text{Tổng tài sản đầu kỳ}}{\text{Tổng tài sản đầu kỳ}}$ = %	-32,014,180,662	-47,408,700,026
			375,246,405,497	379,432,320,768
			-8.53%	-12.49%
2	Khả năng thanh toán			
2.1	Tỷ lệ thanh toán tổng quát	= $\frac{\text{Tổng tài sản}}{\text{Nợ phải trả}}$ = lần	343,232,224,835	284,614,920,716
			178,272,639,576	114,586,574,115
			1.93	2.48
2.2	Tỷ lệ thanh toán hiện hành	= $\frac{\text{Tài sản ngắn hạn}}{\text{Nợ ngắn hạn}}$ = lần	319,393,552,414	258,373,497,095
			178,272,639,576	114,586,574,115
			1.79	2.25
2.3	Tỷ lệ thanh toán nhanh	= $\frac{\text{Tài sản ngắn hạn} - \text{Hàng tồn kho}}{\text{Nợ ngắn hạn}}$ = lần	151,679,278,188	156,129,652,984
			178,272,639,576	114,586,574,115
			0.85	1.36

TT	Chi tiêu	Công thức tính toán	Kỳ này	Cùng kỳ năm trước
2.4	Tỷ lệ thanh toán tức thời	= $\frac{\text{Tiền và các khoản tương đương tiền}}{\text{Nợ ngắn hạn}}$ =	6,978,013,549	10,252,403,729
			178,272,639,576 0.04	114,586,574,115 0.09
2.5	Hệ số khả năng chi trả	= $\frac{\text{Số tiền thuần lưu chuyển trong kỳ}}{\text{Nợ ngắn hạn}}$ =	-33,775,490,401	-20,241,871,606
			178,272,639,576 -0.19	203,423,552,333 -0.10
2.6	Khả năng thanh toán lãi vay	= $\frac{\text{Lợi nhuận trước thuế}}{\text{Chi phí lãi vay}}$ =	-6,908,570,003	3,123,879,528
			4,049,115,957 -1.71	3,030,125,640 1.03
2.7	Tỷ số đảm bảo nợ Tỷ số đảm bảo nợ dài hạn	= $\frac{\text{Tài sản dài hạn}}{\text{Nợ dài hạn}}$ =	0	0
	Tỷ số đảm bảo nợ ngắn hạn	= $\frac{\text{Tài sản ngắn hạn}}{\text{Nợ ngắn hạn}}$ =	319,393,552,414	258,373,497,095
			178,272,639,576 1.79	114,586,574,115 2.25
3	Chỉ số sinh lời			
3.1	Tỷ suất Lợi nhuận / Doanh thu	= $\frac{\text{Lợi nhuận sau thuế}}{\text{Doanh thu thuần}}$ =	-6,908,570,003	2,679,988,363
			224,621,887,550	264,330,585,841
	Tỷ suất Lợi nhuận sau thuế / Doanh thu thuần	=	-3.08%	1.01%
Tỷ suất Lợi nhuận gộp / Doanh thu thuần	= $\frac{\text{Lợi nhuận gộp}}{\text{Doanh thu thuần}}$ =	11,629,330,743	20,453,733,781	
		224,621,887,550	264,330,585,841	
			5.18%	7.74%

TT	Chỉ tiêu	Công thức tính toán	Kỳ này	Cùng kỳ năm trước
3.3	Tỷ suất Lợi nhuận sau thuế / Tổng tài sản bình quân (ROA)	$= \frac{\text{Lợi nhuận sau thuế}}{\text{Tổng tài sản bình quân} [(ĐK+CK)/2]} =$	-6,908,570,003	2,679,988,363
			$= \frac{359,239,315,166}{[(ĐK+CK)/2]} =$	359,239,315,166
		%	-1.92%	0.81%
3.4	Khả năng sinh lời của vốn chủ sở hữu (ROE)	$= \frac{\text{Lợi nhuận sau thuế}}{\text{Nguồn vốn chủ sở hữu bình quân} [(ĐK+CK)/2]} =$	-6,908,570,003	2,679,988,363
			$= \frac{168,391,219,212}{[(ĐK+CK)/2]} =$	168,391,219,212
		%	-4.10%	1.59%
3.5	Tỷ lệ Hoàn vốn đầu tư (ROI)	$= \frac{\text{Lợi nhuận sau thuế}}{\text{Tổng vốn đầu tư bình quân} [(ĐK+CK)/2]} =$	-6,908,570,003	2,679,988,363
			$= \frac{161,044,700,000}{[(ĐK+CK)/2]} =$	161,044,700,000
		%	-4.29%	1.66%
3.6	Tốc độ tăng trưởng lợi nhuận	$= \frac{\text{Lợi nhuận sau thuế kỳ này} - \text{Lợi nhuận sau thuế kỳ trước}}{\text{Lợi nhuận sau thuế kỳ trước}} =$	-9,588,558,366	-1,048,035,838
			$= \frac{2,679,988,363 - 2,728,024,201}{2,728,024,201} =$	2,679,988,363
		%	-357.78%	-38.42%
4	Chỉ số hoạt động			
4.1	Số vòng quay các khoản phải thu	$= \frac{\text{Doanh thu thuần}}{\text{Số dư bình quân các khoản phải thu} [(ĐK+CK)/2]} =$	224,621,887,550	264,330,585,841
			$= \frac{142,316,562,319}{[(ĐK+CK)/2]} =$	142,316,562,319
		lần	1.58	1.55
	Thời gian thu tiền bình quân (= thời gian kỳ phân tích / số vòng quay các khoản phải thu)	$= \frac{360 \text{ ngày}}{\text{Số vòng quay các khoản phải thu}}$	228	233
		ngày		

TT	Chỉ tiêu	Công thức tính toán	Kỳ này	Cùng kỳ năm trước
4.2	Số vòng quay các khoản phải trả	$\frac{\text{Giá vốn hàng bán}}{\text{Số dư bình quân khoản phải trả người bán}} =$ [(ĐK+CK)/2]	212,992,556,807	243,876,852,060
		lần	3.35	4.31
	Thời gian trả tiền bình quân (= thời gian kỳ phân tích / số vòng quay các khoản phải trả)	$= \frac{360 \text{ ngày}}{\text{Số vòng quay các khoản phải trả}}$	108	84
4.3	Số vòng quay hàng tồn kho	$\frac{\text{Giá vốn hàng bán}}{\text{Mức tồn kho bình quân}} =$ [(ĐK+CK)/2]	212,992,556,807	243,876,852,060
		lần	1.32	2.17
	Thời gian quay vòng của hàng tồn kho (= thời gian kỳ phân tích / số vòng quay hàng tồn kho)	$= \frac{360 \text{ ngày}}{\text{Số vòng quay hàng tồn kho}}$	274	166
4.4	Số vòng quay vốn lưu động	$\frac{\text{Doanh thu thuần}}{\text{Vốn lưu động bình quân}} =$ [(ĐK+CK)/2]	224,621,887,550	264,330,585,841
		lần	0.72	0.65
	Thời gian quay vòng của vốn lưu động (= thời gian kỳ phân tích / số vòng quay vốn lưu động)	$= \frac{360 \text{ ngày}}{\text{Số vòng quay vốn LĐ}}$	499	556
4.5	Hiệu suất sử dụng tài sản cố định	$= \frac{\text{Doanh thu thuần}}{\text{Tài sản cố định bình quân}} =$ [(ĐK+CK)/2]	224,621,887,550	264,330,585,841
			21,858,989,466	25,733,535,368
		lần	10.28	10.27

TT	Chỉ tiêu	Công thức tính toán	Kỳ này	Cùng kỳ năm trước
4.6	Hiệu suất sử dụng toàn bộ tài sản	$= \frac{\text{Doanh thu thuần}}{\text{Tổng tài sản bình quân [(ĐK+CK)/2]}} =$	224,621,887,550	264,330,585,841
			359,239,315,166	332,023,620,742
			0.63	0.80
4.7	Hiệu suất sử dụng vốn chủ sở hữu	$= \frac{\text{Doanh thu thuần}}{\text{Nguồn vốn chủ sở hữu bình quân [(ĐK+CK)/2]}} =$	224,621,887,550	264,330,585,841
			168,391,219,212	168,688,352,420
			1.33	1.57
4.8	Hiệu suất sử dụng vốn cổ phần	$= \frac{\text{Doanh thu thuần}}{\text{Vốn đầu tư của chủ sở hữu bình quân [(ĐK+CK)/2]}} =$	224,621,887,550	264,330,585,841
			161,044,700,000	161,044,700,000
			1.39	1.64
4.9	Tốc độ tăng trưởng doanh thu thuần	$= \frac{\text{Doanh thu thuần kỳ này} - \text{Doanh thu thuần kỳ trước}}{\text{Doanh thu thuần kỳ trước}} =$	-39,708,698,291	-143,342,330,620
			264,330,585,841	407,672,916,461
			-15.02%	-35.16%
5	Khả năng tăng trưởng Tỷ số lợi nhuận tích lũy	$= \frac{\text{Lợi nhuận sau thuế}}{\text{Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối}} =$	-6,908,570,003	2,679,988,363
			-3,722,289,273	1,750,710,373
			-186%	153.08%

TT	Chi tiêu	Công thức tính toán	Kỳ này	Cùng kỳ năm trước
	Tỷ số tăng trưởng bền vững	$= \frac{\text{Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối}}{\text{Nguồn vốn chủ sở hữu}} =$	-3,722,289,273	1,750,710,373
		\%	164,959,585,259	170,028,346,601
			-2.26%	1.03%
6	Hệ số cân đối vốn			
	Vốn luân chuyển	$= \frac{\text{Nợ dài hạn} + \text{Nguồn vốn chủ sở hữu} - \text{Tài sản dài hạn}}{\text{Vốn}} =$	164,959,585,259	170,028,346,601
	Vốn lưu động thuần	$= \frac{\text{Tài sản ngắn hạn} - \text{Nợ ngắn hạn}}{\text{Vốn}} =$	141,120,912,838	143,786,922,980

[Handwritten mark]

5. Cơ cấu cổ đông, thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu: Không

a) Cổ phần: Nêu tổng số cổ phần và loại cổ phần đang lưu hành, số lượng cổ phần chuyển nhượng tự do và số lượng cổ phần bị hạn chế chuyển nhượng theo quy định của pháp luật, Điều lệ công ty hay cam kết của người sở hữu. Trường hợp công ty có chứng khoán giao dịch tại nước ngoài hay bảo trợ việc phát hành và niêm yết chứng khoán tại nước ngoài, cần nêu rõ thị trường giao dịch, số lượng chứng khoán được giao dịch hay được bảo trợ và các thông tin quan trọng liên quan đến quyền, nghĩa vụ của công ty liên quan đến chứng khoán giao dịch hoặc được bảo trợ tại nước ngoài.

Cơ cấu cổ phần chứng khoán:

Loại chứng khoán	Số lượng cổ đông	Số lượng cổ phần	Tỷ lệ (%)
Chứng khoán phổ thông	457	15.600.000	100 %
Chứng khoán hạn chế chuyển nhượng	0	0	0%
Tổng số	457	15.600.000	100 %

b) Cơ cấu cổ đông:

Cơ cấu cổ đông theo loại hình cổ đông:

STT	Cơ cấu cổ đông	Số lượng cổ đông	Số lượng cổ phần	Tỷ lệ (%)
I.	Cổ đông trong nước	457	15.600.000	100

STT	Cơ cấu cổ đông	Số lượng cổ đông	Số lượng cổ phần	Tỷ lệ (%)
	Tổ chức	3	9.221.328	59,11
	Cá nhân	454	6.378.672	40,89
II.	Cổ đông nước ngoài	0	0	0
	Tổ chức	0	0	0
	Cá nhân	0	0	0
III.	Cổ phiếu quỹ	0	0	0
Tổng cộng		457	15.600.000	100

(Nguồn: Danh sách cổ đông của Công ty chốt tại ngày 30/06/2018)

Cơ cấu cổ đông theo bộ phận:

Bộ phận	Số lượng cổ đông	Số lượng cổ phần	Tỷ lệ (%)
Ban quản lý công ty	9	326.560	2,09%
Cán bộ công nhân viên	120	1.351.688	8,66 %
Cổ đông nhà nước	01	4.992.000	32,00 %
Không thuộc bộ phận nào	329	8.929.752	57,25 %
Tổng số	457	15.600.000	100%

Cơ cấu vốn góp:

Đến 30 tháng 06 năm 2018: Vốn điều lệ là 156.000.000.000 đồng tương đương 15.600.000 cổ phần và cơ cấu như sau:

TT	Họ và tên	Số CMND/ĐKKD	Địa chỉ	SLCP sở hữu	Tỷ lệ (%)
1	Tập đoàn Bru chính Viễn thông Việt Nam	100684378	Số 57 - Huỳnh Thúc Kháng Đống Đa - Hà Nội	4.992.000	32,00%
2	Công ty CP Thương mại Phương Trung	800501679	Cụm CN Hoàng Diệu, Xã Hoàng Diệu, Gia lộc, Hải dương	4.225.584	27,09%
3	Phạm Văn Trung Kiên	11870883	Số 30 Ngõ 121 Sài Đồng - Long Biên - Hà Nội	1.602.536	10,27%
4	Tổ chức và các nhân khác (nắm giữ dưới 5%)			4.779.880	30,64%
Tổng cộng				15.600.000	100

- c) Tình hình thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu: Không
- d) Giao dịch cổ phiếu quỹ: Không
- e) Các chứng khoán khác: Không

III. Báo cáo và đánh giá của Ban Tổng Giám đốc:

IV. Các kế hoạch, định hướng của Hội đồng quản trị trong năm 2018

1. Kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2018:

1.1. Nhận định về bối cảnh chung:

- Chính phủ tiếp tục đẩy mạnh tái cấu trúc doanh nghiệp nhà nước, VINACAP nằm trong lộ trình thoái vốn của Tập đoàn VNPT theo quyết định của Thủ tướng Chính Phủ.
- Nhu cầu đầu tư lớn của các nhà mạng viễn thông (VNPT, Viettel,...), đặc biệt là dây thuê bao quang phát triển thuê bao.
- Các sản phẩm kinh doanh của VINACAP (điện dân dụng, điện thoại AVIO...) tiếp tục cạnh tranh khốc liệt, Công ty chưa có sản phẩm kinh doanh lãi đem lại lợi nhuận ổn định trong thời gian dài.
- Thị trường nguyên vật liệu biến động mạnh, khó dự báo...

1.2. Chỉ tiêu kế hoạch sản xuất kinh doanh 2018:

Đơn vị tính: Triệu đồng

Chỉ tiêu	Thực hiện 2017	Kế hoạch 2018
Doanh thu	598.678	646.600
Lợi nhuận sau thuế	4.971	8.389
Vốn điều lệ	156.000	156.000
Cổ tức bình quân	02%/VĐL	04%/VĐL
Quỹ tiền lương/Thù lao HĐQT và BKS	46,7	Phương án chi trả thù lao HĐQT và BKS năm 2018 chi tiết như sau: (1) – Trường hợp hoàn thành (bằng kế hoạch giao) chỉ tiêu LNST năm 2018 thì thù lao bằng 3% LNST (sau khi đã trích lập các quỹ theo quy định); (2) – Trường hợp LNST thực hiện lớn hơn kế hoạch giao thì cứ 1% LNST vượt so với kế hoạch thì thù lao được tăng tối đa 2% thù lao theo mức hoàn thành kế hoạch. Tổng quỹ thù lao thực hiện của HĐQT và BKS tối đa không quá 20% mức

Chỉ tiêu	Thực hiện 2017	Kế hoạch 2018
		tiền lương thực hiện của Người quản lý chuyên trách năm 2018 (bao gồm TV chuyên trách HĐQT, TGD, PTGD, KTT, TV BKS chuyên trách); (3) – Trường hợp LNST thực hiện nhỏ hơn kế hoạch giao thì cứ 1% LNST giảm so với kế hoạch thì giảm 1% so với mức thù lao hoàn thành kế hoạch. (4) – Trong trường hợp lỗ không thực hiện chi trả thù lao.

1.3. Một số giải pháp:

- Năm 2018 Công ty tổ chức khoán sản xuất và kinh doanh, xây dựng cơ chế tiền lương gắn liền với hiệu quả đạt được.
- Tham gia cung cấp vật tư hàng hóa thương mại và dịch vụ cho các đơn vị ngoài ngành phục vụ các dự án của MobiFone, VNPT, EVN, FPT, CMC ...
- Dự kiến ký kết hợp tác 3 bên hợp tác là đại diện nhập khẩu vật tư, mua sắm vật tư cho các đơn vị sản xuất, dịch vụ Quốc phòng và BDS.
- Tìm kiếm các đơn vị có nhu cầu cùng sản phẩm bằng hình thức gia công để tận dụng tối đa năng xuất máy móc, giảm thiểu chi phí khấu hao máy móc, thiết bị không sử dụng hết năng xuất .
- Tập trung sản xuất cáp quang và dây thuê bao quang theo hợp đồng đã ký với VNPT; tiếp tục đầu tư tăng năng xuất cáp Lan lên 5.000 box/tháng. Tiếp tục đầu tư và phát triển thương hiệu dây điện.
- Các sản phẩm của Công ty (Quang - Điện - LAN) có là sản phẩm cạnh tranh trong thị trường hoàn hảo do vậy Công ty cần tiếp tục chú trọng tiết giảm chi phí tối đa và nâng cao năng lực hiệu quả sản xuất để có hiệu quả cao và thương hiệu sản phẩm được định vị cao về chất lượng và giá bán sản phẩm.
- Năm 2018 Công ty tiếp tục tập trung nguồn lực tối đa để mở rộng thị trường dây cáp điện – dây cáp mạng LAN; Đây là định hướng cốt lõi của công ty trước mắt và lâu dài. Năm 2018 tiếp tục được xác định là năm đột phá của sản phẩm dây cáp điện – cáp mạng LAN. Xây dựng VINACAP trở thành thương hiệu mạnh, lợi thế sản phẩm có vị trí tốt trên thị

* Nội dung các cuộc họp Hội đồng quản trị

TT	Ngày tháng	Số NQ/QĐ	Nội dung
1	07/02/2018	19/18/QĐ-HĐQT	Nghị Quyết của HĐQT lần 28 về thay đổi địa điểm kinh doanh
2	07/02/2018	21/18/NQ-HĐQT	Nghị Quyết của HĐQT lần 29
3	24/04/2018	23/18/QĐ-HĐQT	Nghị Quyết của HĐQT lần 30
4	22/06/2018	38/18/QĐ-HĐQT	Nghị Quyết của HĐQT lần 31

2. Ban Kiểm soát

a) Thành viên và cơ cấu của Ban kiểm soát: (danh sách thành viên Ban kiểm soát, tỷ lệ sở hữu cổ phần có quyền biểu quyết và các chứng khoán khác do công ty phát hành).

T T	Họ và tên	SN	Quê quán	Trình độ	Chức vụ	Số lượng cổ phần	Tỷ lệ nắm giữ (%)	Ghi chú
1	Nguyễn Quang Trình	1983	Hải Dương	Thạc Sĩ	Trưởng Ban KS	0	0	Bổ nhiệm ngày 17/05/2017
Ông Nguyễn Quang Trình làm Trưởng Ban kiểm soát Công ty từ ngày 17/05/2017 theo Nghị Quyết số 91/17/NQ-ĐHĐCĐ ngày 17/05/2017 của Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2017.								
2	Đình Quang Hữu	1973	Ninh Bình	Thạc sỹ	TV BKS	28,600	0,18 %	
Ông Đình Quang Hữu làm TV BKS Công ty từ ngày 07/06/2018 theo Nghị Quyết số 36/18/NQ-ĐHĐCĐ ngày 07/06/2018 của Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2018.								
3	Vũ Hoàng Công	1984	Lạng Sơn	Thạc sỹ, CPA	Thành Viên BKS	0	0 %	Bổ nhiệm ngày 17/05/2017
Ông Vũ Hoàng Công làm Thành viên Ban kiểm soát Công ty từ ngày 17/05/2017 theo Nghị Quyết số 91/17/NQ-ĐHĐCĐ ngày 17/05/2017 của Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2017.								
4	Phạm Văn Ninh	1975	Nam Định	Kỹ sư	TV BKS	10,400	0,07%	
Ông Phạm Văn Ninh làm TV BKS Công ty từ ngày 07/06/2018 theo Nghị Quyết số 36/18/NQ-ĐHĐCĐ ngày 07/06/2018 của Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2018.								

5	Phạm Thùy Dương	1990	Hải Dương	Cử nhân	TV BKS	0	0	Bổ nhiệm ngày 17/05/2017
Bà Phạm Thùy Dương thôi làm TV BKS Công ty từ ngày 07/06/2018 theo Nghị Quyết số 36/18/NQ-ĐHĐCĐ ngày 07/06/2018 của Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2018.								

b) Hoạt động của Ban kiểm soát: (đánh giá hoạt động của Ban kiểm soát, nêu cụ thể số lượng các cuộc họp của Ban kiểm soát, nội dung và kết quả của các cuộc họp).

3. Các giao dịch, thù lao và các khoản lợi ích của Hội đồng quản trị, Ban Tổng Giám đốc và Ban kiểm soát

a) Lương, thưởng, thù lao, các khoản lợi ích: (Lương, thưởng, thù lao, các khoản lợi ích khác và chi phí cho từng thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Giám đốc hoặc Tổng Giám đốc và các cán bộ quản lý. Giá trị các khoản thù lao, lợi ích và chi phí này phải được công bố chi tiết cho từng người, ghi rõ số tiền cụ thể. Các khoản lợi ích phi vật chất hoặc các khoản lợi ích chưa thể/không thể lượng hoá bằng tiền cần được liệt kê và giải trình đầy đủ).

6 tháng đầu năm 2018: HĐQT và Ban kiểm soát không sử dụng chi phí gì bằng nguồn chi phí của Công ty cho hoạt động của mình.

b) Giao dịch cổ phiếu của cổ đông nội bộ: Không

(Thông tin về các giao dịch cổ phiếu của các thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Giám đốc (Tổng Giám đốc), Kế toán trưởng, các cán bộ quản lý, Thư ký công ty, cổ đông lớn và những người liên quan tới các đối tượng nói trên).

c) Hợp đồng hoặc giao dịch với cổ đông nội bộ: Không

(Thông tin về hợp đồng, hoặc giao dịch đã được ký kết hoặc đã được thực hiện trong năm với công ty, các công ty con, các công ty mà công ty nắm quyền kiểm soát của thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Giám đốc (Tổng Giám đốc), các cán bộ quản lý và những người liên quan tới các đối tượng nói trên).

d) Việc thực hiện các quy định về quản trị công ty: Theo đúng quy định hiện hành.

(Nêu rõ những nội dung chưa thực hiện được theo quy định của pháp luật về quản trị công ty. Nguyên nhân, giải pháp và kế hoạch khắc phục/kế hoạch tăng cường hiệu quả trong hoạt động quản trị công ty).

VI. Báo cáo tài chính 6 tháng đầu năm 2018:

1. Ý kiến kiểm toán:

Chúng tôi đã soát xét Báo cáo tài chính giữa niên độ kèm theo của Công ty Cổ phần Viễn thông Điện tử Vinacap được lập ngày 31/07/2018, từ trang 06 đến trang 31, bao gồm : Bảng cân đối kế toán giữa niên độ tại ngày 30 tháng 06 năm 2018, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ giữa niên độ cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám Đốc:

Ban Tổng Giám Đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính giữa niên độ của Công ty theo chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính giữa niên độ và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo Cáo Tài chính giữa niên độ không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên:

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra kết luận về Báo cáo tài chính giữa niên độ dựa trên kết quả soát xét của chúng tôi. Chúng tôi đã thực hiện công việc soát xét theo Chuẩn mực Việt Nam về hợp đồng dịch vụ số 2410 - Soát xét thông tin tài chính giữa niên độ do kiểm toán viên độc lập của đơn vị thực hiện.

Công việc soát xét thông tin tài chính giữa niên độ bao gồm việc thực hiện các cuộc phỏng vấn, chủ yếu là phỏng vấn những người chịu trách nhiệm về các vấn đề tài chính kế toán, và thực hiện thủ tục phân tích và các thủ tục soát xét khác. Một cuộc soát xét về cơ bản có phạm vi hẹp hơn một cuộc kiểm toán được thực hiện theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam và do vậy cho phép chúng tôi đạt được sự đảm bảo rằng chúng tôi sẽ nhận biết được tất cả các vấn đề trọng yếu có thể được phát hiện trong một cuộc kiểm toán. Theo đó, chúng tôi không đưa ra ý kiến kiểm toán.

Kết luận của kiểm toán viên :

Căn cứ trên kết quả soát xét của chúng tôi, chúng tôi không thấy có vấn đề gì khiến chúng tôi cho rằng Báo cáo tài chính giữa niên độ đính kèm không phản ánh trung thực và hợp lý trên các khía cạnh trọng yếu và tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Viễn thông Điện tử Vinacap tại ngày 30 tháng 06 năm 2018, và kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính giữa niên độ.

2. Báo cáo tài chính 06 tháng đầu năm 2018 được kiểm toán gồm:

Báo cáo tài chính 6 tháng đầu năm 2018 đã được kiểm toán theo quy định của pháp luật về kế toán và kiểm toán bao gồm:

- Bảng cân đối kế toán;
- Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh;
- Báo cáo lưu chuyển tiền tệ;
- Bản thuyết minh Báo cáo tài chính.

*Liên hệ Công ty VINACAP:
Mr Lê Anh Xuân – Thư ký HĐQT
Điện thoại: 04.35377989 – Fax: 04.35377988
Mobile: 0919.26.85.85
Email: xuanla@vinacap.vn*

ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT

TỔNG GIÁM ĐỐC



VŨ HỒNG HẠNH